

TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY
BỘ MÔN LỊCH SỬ



KIẾN THỨC CƠ BẢN
LỊCH SỬ 11

Họ tên:.....

Lớp:

Năm học: 2024-2025

CHƯƠNG 1

CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

BÀI 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

A. LÝ THUYẾT

1. Tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản

a. Kinh tế

Giai đoạn hậu kì trung đại, các ngành kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển mạnh ở khu vực Tây Âu và Bắc Mỹ.

- + Các công trường thủ công ra đời.

- + Nhiều trung tâm công - thương nghiệp, tài chính xuất hiện ở: Nêđéc-lan, Anh, Pháp, Mỹ...

- + Nông nghiệp đã phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá. Nhiều lãnh chúa phong kiến chuyển sang kinh doanh ruộng đất, sản xuất hoặc cho thuê.

=> Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã dần được hình thành, dẫn tới sự thay đổi về chính trị và xã hội.

b. Chính trị - xã hội

* Về chính trị

- + Chế độ phong kiến đã bộc lộ nhiều khủng hoảng sâu sắc.

- + Tình hình chính trị rối ren như: Khủng hoảng về tài chính, xung đột trong nghị viện (ở Anh); mâu thuẫn của chế độ ba đẳng cấp (ở Pháp)...

* Về xã hội

- Sự phát triển kinh tế đã làm biến đổi xã hội, xuất hiện các giai cấp - tầng lớp mới như: quý tộc mới, tư sản, chủ nô, tiểu tư sản, công nhân và bình dân thành thị.

- + Đại diện phương thức sản xuất TBCN

- + Mâu thuẫn với chế độ phong kiến, muốn làm cách mạng để xác lập chế độ mới.

=> Các giai cấp này có mâu thuẫn với chế độ phong kiến bảo thủ hoặc chủ nghĩa thực dân, nên họ muốn làm cách mạng để xác lập chế độ mới tiến bộ hơn.

c. Tư tưởng

- Tư tưởng tư sản hình thành, ra đời giáo phái mới phù hợp với giai cấp tư sản như: tân giáo (Nê-đéc-lan), Thanh giáo (Anh)

- Ở Pháp trào lưu tư tưởng “Triết học Ánh sáng” đấu tranh trên các lĩnh vực: Triết học, Sử học, Văn học,...

=> Tư tưởng mới hướng về giải phóng con người, thực hiện quyền dân chủ và tinh thần dân tộc.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản.

a. Mục tiêu, nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản.

* Mục tiêu

- + Mục tiêu chung: Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế, xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kinh tế: Cải tiến kĩ thuật, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế hàng hóa; hướng đến một nền sản xuất tập trung.
- Về chính trị: Xây dựng nhà nước pháp quyền, nhà nước dân chủ tư sản dựa trên quản lý đất nước bằng pháp luật.

*** Nhiệm vụ**

- + Nhiệm vụ dân tộc: Giành độc lập dân tộc; xoá bỏ phong kiến cát cứ, thống nhất thị trường và hình thành quốc gia dân tộc.
- + Nhiệm vụ dân chủ: Xoá bỏ chuyên chế phong kiến, xác lập nền dân chủ tư sản (thành lập nhà nước cộng hòa tư sản hoặc quân chủ lập hiến).

b. Giai cấp lãnh đạo cách mạng tư sản

- + Lãnh đạo: Là lực lượng mới (quý tộc tư sản hoá, giai cấp tư sản), có tư tưởng dân chủ tiến bộ và có thế lực kinh tế trong xã hội.
- + Thời kì sau, có những cuộc cách mạng mang tính chất tư sản nhưng do giai cấp vô sản lãnh đạo (ở nước Nga đầu thế kỉ XX).

c. Động lực của cách mạng

- Là các giai cấp, tầng lớp đối lập với chế độ phong kiến: nông dân, công nhân, bình dân thành thị, tiểu tư sản, nô lệ da đen (Bắc Mỹ)...

3. Kết quả và ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản

a. Kết quả

- + lật đổ chế độ phong kiến và giải phóng dân tộc, thiết lập quan hệ sản xuất mới (tư bản chủ nghĩa).
- + Lập ra nhà nước cộng hòa tư sản (Nêđéc-lan, Bắc Mỹ, Pháp) hay quân chủ lập hiến (Anh).

b. Ý nghĩa

- Cách mạng tư sản thắng lợi đã đặt dấu mốc cho chế độ tư bản chủ nghĩa ra đời, tạo điều kiện cho cách mạng công nghiệp bùng nổ, thúc đẩy kinh tế tư bản phát triển vượt bậc.
- Thúc đẩy mạnh mẽ các cuộc cách mạng chống phong kiến và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Á – Phi – Mỹ La-tinh.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (Học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1. Nội dung nào sau đây là tiền đề về kinh tế dẫn đến sự bùng nổ và thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX?

- A.** Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thay thế hoàn toàn quan hệ phong kiến.
- C.** Giai cấp tư sản và đồng minh có thế lực rất lớn cả về kinh tế và chính trị.
- C.** Những rào cản của chế độ phong kiến kìm hãm kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- D.** Triết học Ánh sáng ra đời, thức tỉnh, dọn đường cho quần chúng đấu tranh.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là tiền đề về chính trị dẫn đến sự bùng nổ và thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX?

- A.** Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thay thế hoàn toàn quan hệ phong kiến.
- B.** Giai cấp tư sản và đồng minh có thế lực rất lớn cả về kinh tế và chính trị.

C. Triết học Ánh sáng ra đời, thức tỉnh, dọn đường cho quần chúng đấu tranh.

D. Chế độ cai trị của nhà nước phong kiến, gây ra sự bất mãn trong xã hội.

Câu 3. Nội dung nào sau đây là tiền đề về xã hội dẫn đến sự bùng nổ và thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX?

A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thay thế hoàn toàn quan hệ phong kiến.

B. Giai cấp tư sản và đồng minh có thế lực rất lớn cả về kinh tế và chính trị.

C. Triết học Ánh sáng ra đời, thức tỉnh, dọn đường cho quần chúng đấu tranh.

D. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với quý tộc phong kiến ngày càng sâu sắc.

Câu 4. Nội dung nào sau đây là tiền đề về tư tưởng dẫn đến sự bùng nổ và thắng lợi của cuộc cách mạng tư sản Pháp ở thế kỉ XVIII?

A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thay thế hoàn toàn quan hệ phong kiến.

B. Giai cấp tư sản và đồng minh có thế lực rất lớn cả về kinh tế và chính trị.

C. Triết học Ánh sáng ra đời, thức tỉnh, dọn đường cho quần chúng đấu tranh.

D. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với quý tộc phong kiến ngày càng sâu sắc.

Câu 5. Một trong những nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX) là

A. đưa giai cấp công nhân lên nắm quyền.

B. xóa bỏ triệt để mâu thuẫn trong xã hội.

C. xác lập sự thống trị của chủ nghĩa thực dân.

D. xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ.

Câu 6. Một trong những nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX) là

A. đưa giai cấp công nhân lên nắm quyền.

B. hình thành thị trường dân tộc thống nhất.

C. xóa bỏ triệt để mâu thuẫn trong xã hội.

D. xác lập sự thống trị của chủ nghĩa thực dân.

Câu 7. Một trong những nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX) là

A. xóa bỏ chế độ phong kiến chuyên chế.

B. đưa giai cấp công nhân lên nắm quyền.

C. xóa bỏ triệt để mâu thuẫn trong xã hội.

D. xác lập sự thống trị của chủ nghĩa thực dân.

Câu 8. Một trong những mục tiêu của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX) là

A. mở đường cho tư bản chủ nghĩa phát triển.

B. đưa giai cấp công nhân lên nắm chính quyền.

C. xóa bỏ triệt để những mâu thuẫn trong xã hội.

D. xác lập sự thống trị của chủ nghĩa thực dân.

Câu 9. Lãnh đạo của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX là

A. địa chủ.

B. nông dân.

C. công nhân.

D. tư sản.

Câu 10. Trong các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX, động lực quyết định thắng lợi của cách mạng là

A. mục tiêu của cách mạng.

B. kết quả cuối cùng.

C. quần chúng nhân dân.

D. phương pháp đấu tranh.

Câu 11. Các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX thắng lợi có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. Lật đổ nền quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời.
- B. Giải quyết triệt để mọi yêu cầu của nông dân.
- C. Xóa bỏ được tình trạng áp bức trong xã hội.
- D. Đưa giai cấp công nhân lên nắm chính quyền.

Câu 12. Các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX thắng lợi có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. Giải quyết triệt để mọi yêu cầu của nông dân.
- B. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- C. Xóa bỏ được tình trạng áp bức trong xã hội.
- D. Đưa giai cấp công nhân lên nắm chính quyền.

Câu 13. Các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX thắng lợi có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. Giải quyết triệt để mọi yêu cầu của nông dân.
- B. Xóa bỏ được tình trạng áp bức trong xã hội.
- C. Thúc đẩy kinh tế tư bản phát triển vượt trội.
- D. Đưa giai cấp công nhân lên nắm chính quyền.

Câu 14. Các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX thắng lợi có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. Giải quyết triệt để mọi yêu cầu của nông dân.
- B. Xóa bỏ được tình trạng áp bức trong xã hội.
- C. Mở đường cho cách mạng công nghiệp.
- D. Đưa giai cấp công nhân lên nắm chính quyền.

Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** điểm tiến bộ của *Tuyên ngôn Độc lập* (1776) ở nước Mỹ và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* (1789) ở nước Pháp?

- A. Đề cao quyền công dân và quyền con người.
- B. Bảo vệ quyền lợi cho tất cả các tầng lớp trong xã hội.
- C. Bảo vệ quyền lợi tư hữu cho giai cấp tư sản.
- D. Quyền tư hữu là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

Câu 16. Nội dung nào dưới đây phản ánh **đúng** vai trò của trào lưu Triết học Ánh sáng đối với cách mạng tư sản Pháp vào cuối thế kỷ XVIII?

- A. Lên án chế độ tư bản chủ nghĩa, đưa ra lí thuyết xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Lên án chế độ phong kiến, giáo hội Thiên chúa và mặt trái của chủ nghĩa tư bản.
- C. Tấn công hệ tư tưởng chế độ phong kiến, dọn đường cho cách mạng xã hội bùng nổ.
- D. Lên án chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ phong kiến, đề nghị xây dựng chế độ tiến bộ.

Câu 17. Điểm khác nhau giữa cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ cuối thế kỷ XVIII với cuộc cách mạng tư sản Anh là gì?

- A. Động lực cách mạng là quần chúng nhân dân.

- B. Là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.
- C. Giai cấp tư sản tham gia lãnh đạo cách mạng.
- D. Diễn ra dưới hình thức thống nhất đất nước.

Câu 18. Cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỉ XVIII) được đánh giá là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất thời cận đại vì lí do nào sau đây?

- A. Giai cấp tư sản lãnh đạo liên minh với quý tộc lãnh đạo quần chúng nhân dân.
- B. Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế và nhân dân được làm chủ đất nước.
- C. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân và thực hiện các quyền bình đẳng.
- D. Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ dân tộc và dân chủ của cuộc cách mạng tư sản.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Tất cả mọi người sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

(Tuyên ngôn Độc lập nước Mỹ, năm 1776)

Tư liệu 2:

“Điều 1. Con người sinh ra đều có quyền tự do và bình đẳng. Những sự phân biệt xã hội chỉ có thể dựa trên lợi ích chung.

Điều 17. Quyền tư hữu là quyền bất khả xâm phạm và thiêng liêng không ai có thể bị tước bỏ”
(Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền nước Pháp, năm 1789)

- a. Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền ra đời từ cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII
- b. Điểm chung của Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp là đề cao quyền con người và quyền công dân
- c. Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp năm 1789 không đề cao quyền tư hữu cá nhân vì đó là biểu hiện cho sự phân biệt giàu – nghèo trong xã hội
- d. Trong Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (2/9/1945), chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn những câu nói nổi tiếng trong bản tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hiện tượng “Cừu ăn thịt người” là câu nói của Tô – mát Mo – rơ miêu tả thảm cảnh của người nông dân Anh trong phong trào “rào đất cướp ruộng” cuối thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI.

Quý tộc mới (quý tộc tư sản hóa) đã đuổi nông dân ra khỏi những mảnh đất mà họ đã từng canh tác để biến thành đồng cỏ nuôi cừu, kinh doanh thu lợi nhuận, tạo ra sự tích lũy tư bản nguyên thủy”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Chân trời sáng tạo, tr.5)

- a. Cuối thế kỉ XV – đầu thế kỉ XVI, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã thâm nhập mạnh vào nông nghiệp Anh

- b. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến phong trào “rào đất cướp ruộng” ở Anh là do sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp len dạ
- c. Sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp làm xuất hiện tầng lớp quý tộc mới, sau này đã liên minh với tư sản chống lại chế độ phong kiến Anh
- d. Phong trào “rào đất cướp ruộng” đã góp phần cải thiện đời sống của nông dân Anh trước cách mạng tư sản.

Câu 3. Đọc đoạn trích sau đây:

“Ở Pháp, vương quyền là đỉnh cao của lâu đài phong kiến và chuyên chế. Nhà vua luôn có quyền hành chuyên chế và vô hạn; ... quyết định mọi công việc đối nội và đối ngoại của quốc gia. Triều vua Lu-I XVI là một sự chuyên chế cao độ. Theo những “mật lệnh có ấn vua” nhằm khủng bố nhân dân, hàng trăm người bị bắt, bị tù đầy ở các nơi trong nước”.

(A. Man-phơ-rét, *Đại Cách mạng Pháp 1789*, NXB Khoa học, 1965, tr.18-19)

- a. Chính sách cai trị của nhà nước phong kiến chuyên chế gây bất mãn cho nhân dân.
- b. Sự tồn tại của nhà nước quân chủ lập hiến gây bất mãn cho tầng lớp quý tộc mới.
- c. Mâu thuẫn giữa đẳng cấp thứ ba với đẳng cấp tăng lữ và quý tộc ngày càng sâu sắc.
- d. Tình hình chính trị ở Pháp dưới triều vua Lu-I XVI khủng hoảng trầm trọng.



BÀI 2: SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

A. LÝ THUYẾT

1. Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ

- Từ thế kỷ XVI – XVIII, các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu nổ ra thắng lợi ở Ne-đéc-lan (Hà Lan), Anh, Pháp, Bắc Mỹ thiết lập được nhà nước tư bản.
- Nửa sau thế kỉ XIX, cách mạng tư sản tiếp tục bùng nổ dưới nhiều hình thức khác nhau và giành được thắng lợi, dẫn đến sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

a. Chủ nghĩa đế quốc và quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa

- Kinh tế tư bản phát triển thúc đẩy các nước tư bản tiến hành quá trình thực dân hoá.
- Chủ nghĩa đế quốc ra đời với chính sách mở rộng xâm lược thuộc địa:
 - + Anh có hệ thống thuộc địa rộng khắp, là đế quốc thực dân “Mặt Trời không bao giờ lặn”.
 - + Pháp xâm lược châu Á, châu Phi, Trung Quốc, thuộc địa của Pháp xếp thứ 2 sau Anh.
 - + Mỹ đã biến khu vực Mỹ La-tinh thành “sân sau” của mình và mở rộng phạm vi xâm lược ra châu Á.

b. Sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản

- Chủ nghĩa tư bản mở rộng sản xuất, tăng cường liên kết giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp.
- Các nước tư bản mở rộng xuất khẩu tư bản, đẩy mạnh hoạt động ngân hàng, tài chính dưới hình thức cho vay hoặc đầu tư mang lại lợi nhuận to lớn.

c. Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền

- Từ thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, không có sự can thiệp của nhà nước.

- Từ nửa cuối thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền với biểu hiện:

+ Hình thành các tổ chức độc quyền dưới nhiều hình thức như: Các-ten, Xanh-đi-ca, Tơ-rôt.

+ Tư bản ngân hàng hợp nhất với tư bản công nghiệp hình thành tư bản tài chính.

3. Chủ nghĩa tư bản hiện đại

a. Khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại

- Chủ nghĩa tư bản hiện đại là sự kết hợp sức mạnh kinh tế các tổ chức độc quyền với sức mạnh chính trị của nhà nước tư bản.

- Đặc trưng của CNTB hiện đại:

- + Độc quyền nhà nước và cao hơn là độc quyền xuyên quốc gia.
- + Dựa trên thành tựu của khoa học và công nghệ.
- + Lực lượng lao động có nhiều chuyển biến.
- + Chủ nghĩa tư bản luôn điều chỉnh và thích ứng.
- + Là hệ thống thế giới và mang tính toàn cầu.

b. Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại

*** Tiềm năng**

- Sự phát triển của CNTB dựa trên thành tựu của khoa học – công nghệ hiện đại.

- Tích lũy được kinh nghiệm và phương pháp quản lí kinh tế, hệ thống pháp chế hoàn chỉnh.

- Khả năng điều chỉnh và thích nghi cao.

- Xu hướng toàn cầu hoá tạo ra các nguồn lực quan trọng để tư bản phát triển.

*** Thách thức**

- Các cuộc khủng hoảng diễn ra đặt ra nhiều vấn đề như: thất nghiệp, khoảng cách giàu - nghèo, xung đột sắc tộc, tôn giáo...

- Nhiều cuộc bạo loạn vẫn bùng nổ ở các nước tư bản..

- Những vấn đề an ninh phi truyền thống đặt ra nhiều thách thức cho các quốc gia, nhất là an ninh con người.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1. Từ đầu thế kỉ XIX, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguyên liệu và nhân công các nước tư bản phương Tây đã tăng cường

A. hợp tác và mở rộng đầu tư.

B. thu hút vốn đầu tư bên ngoài.

C. xâm lược và mở rộng thuộc địa.

D. đổi mới hình thức kinh doanh.

Câu 2. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các nước tư bản chủ nghĩa đã chuyển sang giai đoạn

A. tự do cạnh tranh.

B. cải cách đất nước.

C. đế quốc chủ nghĩa.

D. chủ nghĩa phát xít.

Câu 3. Chủ nghĩa đế quốc ra đời từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là hệ quả trực tiếp của quá trình

A. xâm lược thuộc địa.

B. giao lưu buôn bán.

C. mở rộng thị trường. D. hợp tác kinh tế.

Câu 4. Cho đến cuối thế kỉ XIX, các nước đế quốc chủ nghĩa đã thiết lập hệ thống thuộc địa rộng khắp ở

- A. châu Âu, châu Mỹ và khu vực Tây Âu. B. châu Âu, châu Úc và khu vực Bắc Mỹ.
C. châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh. D. châu Mỹ, Tây Âu và khu vực Đông Âu.

Câu 5. Đầu thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây có hệ thống thuộc địa rộng lớn nhất?

- A. Đức. B. I-ta-li-a. C. Nhật D. Anh.

Câu 6. Các tổ chức độc quyền ra đời ở các nước tư bản (từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX) là sự liên minh giữa

- A. vô sản và tư sản. B. chủ nô và tư sản.
C. các nhà tư bản lớn. D. địa chủ và quý tộc.

Câu 7. Sự kiện nào sau đây đánh dấu sự mở rộng của chủ nghĩa tư bản ở ngoài châu Âu?

- A. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ.
B. Phong trào đấu tranh giành độc lập ở khu vực Mỹ La-tinh.
C. Cuộc vận động thống nhất nước Đức và I-ta-li-a.
D. Cải cách nông nô ở Nga và cuộc nội chiến ở Mỹ.

Câu 8. Thuật ngữ: “chủ nghĩa tư bản hiện đại” dùng để chỉ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn

- A. trước Chiến tranh thế giới thứ hai.
B. sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.
C. sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay.
D. trước Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 9. Lĩnh vực nào sau đây là tiềm năng phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

- A. Quân sự, văn hóa. B. Văn hóa – giáo dục.
C. Chính trị, ngoại giao. D. Khoa học – công nghệ.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là tiềm năng phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

- A. Kinh nghiệm quản lí. B. Liên minh quân sự.
C. Liên kết khu vực. D. Hợp tác quốc tế.

Câu 11. Nội dung nào sau đây là thách thức mà chủ nghĩa tư bản hiện đại phải đối mặt?

- A. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ.
B. Sự sáp nhập của các công ty độc quyền lũng đoạn.
C. Sự vươn lên mạnh mẽ của các nước đang phát triển.
D. Khủng hoảng kinh tế, tài chính mang tính toàn cầu.

Câu 12. Nội dung nào sau đây là thách thức mà chủ nghĩa tư bản hiện đại phải đối mặt?

- A. Nguồn nhân công ngày càng cạn kiệt. B. Giao lưu kinh tế quốc tế ngày càng tăng.
C. Mâu thuẫn xã hội ngày càng gia tăng. D. Sự ra đời các tổ chức liên kết khu vực.

Câu 13. Chính sách xâm lược và mở rộng thuộc địa của các nước tư bản nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu

- A. phát triển khoa học – kĩ thuật. B. giải quyết tình trạng thất nghiệp.

C. thu hút nguồn vốn đầu tư bên ngoài.

D. nguyên liệu và nguồn nhân công.

Câu 14. Nước Anh được mệnh danh là “đế quốc mà Mặt Trời không bao giờ lặn” vì lí do nào sau đây?

A. Nước Anh luôn phải đối mặt với nạn ngoại xâm.

B. Nước Anh có hệ thống thuộc địa rộng khắp thế giới.

C. Nguồn vốn đầu tư của nước Anh trải khắp toàn cầu.

D. Các nước đế quốc tranh nhau đầu tư vào nước Anh.

Câu 15. Nội dung nào sau đây tạo cơ sở cho bước chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền?

A. Quá trình hợp tác ở các nước tư bản.

B. Sự phát triển của các tổ chức độc quyền.

C. Nhiều trung tâm kinh tế - tài chính ra đời.

D. Sự ra đời nhiều tổ chức liên kết khu vực.

Câu 16. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền?

A. Tập trung sản xuất và hình thành độc quyền.

B. Hình thành các tổ chức độc quyền quốc tế.

C. Đầu tư, hợp tác với các nước đang phát triển.

D. Tăng cường phân chia lãnh thổ thế giới.

Câu 17. Yếu tố nào sau đây đưa đến sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền?

A. Sự phát triển của lực lượng sản xuất dưới tác dụng của tiến bộ khoa học - kỹ thuật.

B. Sự sáp nhập của các công ty độc quyền và sự ra đời các tổ chức tín dụng quốc tế.

C. Sự ra đời và phát triển của các tổ chức liên kết khu vực nhiều nơi trên thế giới.

D. Sự hình thành phát triển của các trung tâm kinh tế tài chính nhiều nơi trên thế giới.

Câu 18. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về bản chất chủ nghĩa tư bản hiện đại?

A. Luôn tìm cách xóa bỏ sự chênh lệch giàu nghèo và những bất công xã hội.

B. Theo đuổi lợi nhuận là mục tiêu cao nhất và cuối cùng của các nhà tư bản.

C. Đầu tư, hợp tác nhằm mục tiêu thúc đẩy sự phát triển kinh tế toàn cầu.

D. Không ngừng đấu tranh đòi quyền lợi chính đáng cho người lao động.

Câu 19. Nội dung nào sau đây **không** phải là thách thức mà chủ nghĩa tư bản hiện đại đang phải đối mặt?

A. Khủng hoảng kinh tế, tài chính.

B. Sự chênh lệch giàu nghèo.

C. Tốc độ phát triển kinh tế toàn cầu.

D. Tệ nạn xã hội, phân biệt chủng tộc.

Câu 20. Để việc hội nhập kinh tế quốc tế, gia nhập WTO mang lại hiệu quả cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta cần làm gì?

A. Hình thành hệ thống sản xuất, kinh doanh phù hợp với sự phát triển của sản xuất, kinh doanh trong thời đại mới.

B. Các doanh nghiệp ở nước ta đổi mới, năng động hơn để tồn tại, phát triển.

C. Người lao động phấn đấu nâng cao kỹ năng lao động để đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động.

D. Phải có mục tiêu, lộ trình tận dụng thời cơ và đối phó với thách thức, đồng thời kết hợp với

chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Một bộ phận rất nhỏ, thậm chí chỉ là 1% dân số nhưng lại chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới $\frac{3}{4}$ nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu và do đó chi phối toàn bộ xã hội. Đây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến phong trào “99 chống lại 1” diễn ra ở Mỹ đầu năm 2011 và nhanh chóng lan rộng ở nhiều nước tư bản”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ Chân trời sáng tạo, tr.18)

- a. Đoạn trích phản ánh một trong những thách thức mà nước Mỹ hiện nay phải đối mặt
- b. Đoạn trích cho thấy tình trạng phân hóa giàu nghèo ở nước Mỹ diễn ra sâu sắc
- c. Đoạn trích phản ánh các mặt tích cực và hạn chế của nước Mỹ nói riêng và chủ nghĩa tư bản hiện đại nói chung
- d. Con số 99 trong cụm từ: *phong trào “99 chống lại 1”* chỉ cuộc đấu tranh của 99 dân nghèo Mỹ diễn ra vào năm 2011

Câu 2. Khi phân tích về chủ nghĩa tư bản, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nh khẳng định: “Chủ nghĩa tư bản, với tư cách là phương thức sản xuất được hình thành và thay thế phương thức sản xuất phong kiến trong lịch sử, là chế độ kinh tế - xã hội tiến bộ hơn nhiều so với các chế độ kinh tế - xã hội trước đó. Đặc biệt, nhờ vận dụng hiệu quả quy luật của kinh tế thị trường, giai cấp tư sản trong quá trình thống trị chưa đầy một thế kỷ “đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại”

(<https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story>)

- a. Chủ nghĩa tư bản là phương thức sản xuất tiến bộ, đã đem lại lực lượng sản xuất to lớn chưa từng có trong lịch sử.
- b. Chủ nghĩa tư bản là phương thức sản xuất kế tiếp, thay thế cho xã hội nguyên thủy.
- c. Một trong những kinh nghiệm, bài học thành công của Chủ nghĩa tư bản là vận dụng hiệu quả quy luật của kinh tế thị trường.
- d. Trong xã hội Chủ nghĩa tư bản, không có giai cấp thống trị, mọi hoạt động kinh tế, sản xuất và hưởng thụ đều mang tính công bằng, dân chủ.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Việc sử dụng lò Bét-xơ-me và lò Mác-tanh đánh dấu một bước cách mạng trong ngành luyện kim, đưa sản lượng thép tăng từ 250 nghìn tấn năm 1870 lên 28,3 triệu tấn năm 1900. Nhờ đó, thép được sử dụng rộng rãi trong sản xuất như chế tạo máy, đường ray, tàu biển, các công trình xây dựng....”.

(*Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng, Đại cương Lịch sử thế giới cận đại, Tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr.266*)

- a. Việc sử dụng lò Bét-xơ-me và lò Mác-tanh đã đưa sản lượng thép tăng nhanh ở Châu Âu.
- b. việc chế tạo máy, đường ray là mốc đánh dấu một bước cách mạng trong ngành luyện kim.

c. Mốc đánh dấu một bước cách mạng trong ngành luyện kim là sử dụng lò Bét-xơ-me và lò Mác-tanh.

d. Thép được không được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các ngành sản xuất đương thời.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“- Sự tập trung sản xuất và tư bản đạt tới một mức độ phát triển cao khiến nó tạo ra những tổ chức độc quyền có một vai trò quyết định trong sinh hoạt kinh tế.

- Sự hợp nhất tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp và trên cơ sở “tư bản tài chính” đó, xuất hiện một bọn đầu sỏ tài chính.

- Việc xuất khẩu tư bản, khác với việc xuất khẩu hàng hoá, đã có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt.

- Sự hình thành những liên minh độc quyền quốc tế của bọn tư bản chia nhau thế giới.

- Việc các cường quốc tư bản chủ nghĩa lớn nhất đã chia nhau xong đất đai trên thế giới”.

(Lê-nin, Toàn tập, Tập 27, NXB Sự thật, Hà Nội, 1961, tr.402)

a. Một trong những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền là xuất hiện các tổ chức độc quyền.

b. tổ chức độc quyền là sự liên minh giữa các giai cấp tư sản và chủ nô để thu lợi nhuận cao.

c. Sự hợp nhất tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp tạo nên “tư bản tài chính”

d. Các cường quốc tư bản chủ nghĩa bắt đầu xâm lược, phân chia thuộc địa trên thế giới.



CHƯƠNG 2

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY

BÀI 3: LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIỆT RA ĐỜI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

A. LÝ THUYẾT

1. Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

a. Quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

- Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi và thành lập chính quyền Xô viết.

+ Ban hành “Sắc lệnh Hoà bình” và “Sắc lệnh Ruộng đất”.

+ Đẩy lùi sự can thiệp của các nước đế quốc, bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ.

- Ngày 30/12/1922, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) thành lập. Thông qua Hiến pháp đầu tiên năm 1924.

b. Ý nghĩa sự ra đời Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

◆ *Ý nghĩa trong nước:*

- Mở ra con đường giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc, thủ tiêu sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, củng cố và tăng cường sức mạnh của Nhà nước Xô viết.

◆ *Ý nghĩa quốc tế:*

- Liên Xô trở thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào cách mạng thế giới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa.
- Để lại bài học kinh nghiệm về mô hình xây dựng nhà nước mới.

2. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai

a. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu

- Từ 1945-1949, cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp của tư bản, ban hành các quyền tự do dân chủ.
- Từ 1950 -1970, đạt nhiều tiến bộ: công nghiệp hoá, điện khí hoá, nông nghiệp,...
- Từ sau 1970 - 1980, khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.

b. Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ la-tinh

* Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở châu Á

- Sau CTTG2, các nước châu Á giành độc lập và chọn con đường phát triển lên chủ nghĩa xã hội
- Tiêu biểu: Trung Quốc (1949), Mông Cổ (1924), Triều Tiên (1953), Lào (1945), Việt Nam (1945).

* Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở khu vực Mỹ Latinh

- Sau CTTG2, phong trào giải phóng dân tộc ở Cu Ba phát triển, 1-1-1959 thành lập nước Cộng hoà Cu ba.
- Từ 1961 Cu ba đi theo con đường chủ nghĩa xã hội.

c. Nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô

- Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội tập trung, quan liêu bao cấp.
- Không bắt kịp sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại.
- Phạm nhiều sai lầm về đường lối, chủ trương khi tiến hành cải tổ, cải cách.
- Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1. Thắng lợi nào sau đây dẫn đến sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới?

- | | |
|---|---|
| A. Cách mạng tháng Hai (1917) ở Nga. | B. Cách mạng tháng Mười Nga (1917) |
| C. Cách mạng Nga năm 1905 - 1907. | D. Công xã Pa-ri năm 1871 ở Pháp. |

Câu 2. Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai, khai mạc đêm 25-10-1917 đã ra tuyên bố

- | | |
|---|---|
| A. thành lập chính quyền Xô viết. | B. thông qua sắc lệnh “Hòa bình”. |
| C. thông qua sắc lệnh “Ruộng đất”. | D. Thông qua chính sách “Kinh tế mới”. |

Câu 3. Ngày 30-12-1922, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang đã thông qua

- | |
|---|
| A. Tuyên ngôn thành lập Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. |
| B. Hiến pháp đầu tiên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. |
| C. Cương lĩnh xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. |
| D. Báo cáo chính trị và báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng Cộng sản. |

Câu 4. Tháng 1-1924, Liên Xô đã thông qua

- A. bản Hiệp ước Liên bang.
- C. chính sách “kinh tế mới”.

- B. bản Hiến pháp đầu tiên.
- D. Sắc lệnh “hòa bình”.

Câu 5. Sự kiện nào sau đây được xem là mở đường cho sự ra đời Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga.
- B. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
- C. Cách mạng Nga năm 1905 - 1907.
- D. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914).

Câu 6. Một trong những tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết năm 1922 là

- A. quyền dân tộc tự quyết.
- B. phân biệt về tôn giáo.
- C. thống nhất về văn hóa.
- D. phân biệt về chủng tộc.

Câu 7. Sự kiện nào sau đây đánh dấu hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới?

- A. bản Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua.
- B. bản Hiệp ước Liên bang lần đầu tiên được thông qua.
- C. Thắng lợi trong đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.
- D. Khi hoàn thành quá trình khôi phục và phát triển kinh tế.

Câu 8. Đối với Liên Xô, sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết **không** có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Thể hiện sức mạnh đoàn kết, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc Xô viết.
- B. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.
- C. Tăng cường vị thế của Nhà nước Liên Xô trên trường quốc tế.
- D. Tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Câu 9. Đối với quốc tế, sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết **không** có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Thể hiện sức mạnh tình đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc Nga.
- B. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ La-tinh.
- C. Tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
- D. Trở thành biểu tượng và chỗ dựa cho phong trào cách mạng thế giới.

Câu 10. Đối với quốc tế, sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết **không** có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Tăng cường vị thế của Nhà nước Liên Xô trên trường quốc tế.
- B. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ La-tinh.
- C. Tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
- D. Trở thành biểu tượng và chỗ dựa cho phong trào cách mạng thế giới.

Câu 11. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng ý nghĩa sự ra đời Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Thể hiện sức mạnh đoàn kết, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc Xô viết.
- B. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.
- C. Tăng cường vị thế của Nhà nước Liên Xô trên trường quốc tế.

D. Đánh dấu chủ nghĩa xã hội được mở rộng về không gian, vùng địa lý.

Câu 12. Trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay, Việt Nam học tập điều gì từ sự ra đời và thành công của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

A. Tinh thần đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc.

B. Mở rộng, giao lưu hợp tác quốc tế để khẳng định vị thế đất nước.

C. Đoàn kết, hợp tác trong đấu tranh chống ngoại xâm giữa các dân tộc.

D. Tham gia các liên minh quân sự để tăng cường sức mạnh phòng thủ.

Câu 13. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) năm 1922?

A. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.

B. Phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới lúc bấy giờ.

C. Đáp ứng được nhiệm vụ cấp bách trong đấu tranh chống ngoại xâm.

D. Chưa phù hợp với nguyện vọng các dân tộc trên đất nước Xô viết.

Câu 14. Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô đã tạo điều kiện cho sự ra đời của nhà nước dân chủ nhân dân ở các nước

A. Đông Âu.

B. Tây Âu.

C. Nam Âu.

D. Bắc Âu.

Câu 15. Năm 1949, quốc gia nào sau đây đã lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội?

A. Trung Quốc.

B. Việt Nam.

C. Triều Tiên.

D. Cu-ba.

Câu 16. Từ những năm 80 của thế kỉ XX, các nước Đông Âu lâm vào thời kì suy thoái, khủng hoảng trầm trọng về

A. văn hóa, giáo dục.

B. chính trị, quân sự.

C. quốc phòng an ninh.

D. kinh tế, xã hội.

Câu 17. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã

A. trở thành một hệ thống trên thế giới.

B. trở thành siêu cường số một thế giới.

C. bị xoá bỏ hoàn toàn trên thế giới.

D. lan rộng sang các nước ở Tây Âu.

Câu 18. Một trong những biểu hiện chứng tỏ Liên Xô là thành trì của cách mạng thế giới từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX là gì?

A. Tích cực giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Trực tiếp đối đầu với các cường quốc phương Tây.

C. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.

D. Thúc đẩy sự hình thành xu thế hợp tác toàn cầu.

Câu 19. Nguyên nhân cơ bản dẫn tới sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu là do

A. tiến hành cải tổ muộn, gặp khó khăn khi tiến hành cải tổ.

B. không tiến hành cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.

C. đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí.

D. sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong nước.

Câu 20. Nguyên nhân khách quan dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là

- A. sự chống phá của các thế lực thù địch. B. chưa bắt kịp sự phát triển khoa học – kĩ thuật.
C. thiếu dân chủ và công bằng xã hội. D. phạm phải nhiều sai lầm khi cải tổ.

Câu 21. Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng, sụp đổ của chế độ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu?

- A. Không bắt kịp bước phát triển của khoa học - kĩ thuật tiên tiến trên thế giới.
B. Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, kinh tế tập trung, quan liêu.
C. Người dân không đồng tình, ủng hộ và tin tưởng vào chế độ chủ nghĩa xã hội.
D. Sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong nước và các thế lực bên ngoài nước.

Câu 22. Từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, Việt Nam rút ra bài học gì cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay?

- A. Cải tổ, đổi mới về kinh tế - xã hội trước tiên, sau đó mới cải tổ về chính trị.
B. Duy trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, không chấp nhận đa nguyên chính trị.
C. Thực hiện chính sách “đóng cửa” nhằm hạn chế ảnh hưởng từ bên ngoài.
D. Xây dựng nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa để phát triển kinh tế.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Liên Xô là nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên, đã tỏ ra sức mạnh phi thường. Ngay từ khi mới thành lập, Liên Xô chẳng những đập tan được bọn phản cách mạng trong nước, mà còn đánh thắng cuộc can thiệp vũ trang của 14 nước đế quốc, chưa đầy 30 năm sau lại đánh thắng hoàn toàn bọn phát xít Đức – Ý – Nhật, chẳng những bảo vệ được nhà nước Xô Viết mình mà còn góp phần to lớn giải phóng nhiều nước khác, cứu cả loài người khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa phát xít”.

(Hồ Chí Minh, *Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc*, trích trong: Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 15, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà nội, 2011, tr.388 – 389)

- a. Liên Xô là nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới.
b. Liên Xô đã đánh bại thù trong giặc ngoài sau khi vừa thành lập.
c. Chưa đầy 30 năm sau, Liên Xô bị sụp đổ trong tay chủ nghĩa phát xít.
d. Sự ra đời của Liên Xô chẳng những có ý nghĩa to lớn đối với nhân dân Liên Xô mà cả đối với nhân loại thế giới.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Sự ra đời của Liên bang Xô viết là một sự kiện quan trọng. Sức mạnh của Nhà nước Xô viết được củng cố và tăng cường. Đồng thời, đó là thắng lợi của chính sách dân tộc theo chủ nghĩa Lê-nin, của tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc trong quốc gia công nông đầu tiên trên thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử, loài người tiến bộ đã được thấy một con đường giải phóng đúng đắn vấn đề dân tộc, đó là thủ tiêu mọi bất bình đẳng dân tộc và xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc”.

(Nguyễn Anh Thái chủ biên, *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr 46 – 47)

- a. Sự ra đời của Liên bang Xô Viết đã chứng minh học thuyết Mác – Lê nin là đúng đắn, khoa học.
- b. Sự ra đời của Liên bang Xô Viết đã đánh dấu chế độ xã hội chủ nghĩa được xác lập trên toàn lãnh thổ Liên Xô rộng lớn.
- c. Liên bang Xô Viết ra đời đã xác lập mô hình nhà nước kiểu mới đối lập với mô hình nhà nước tư bản chủ nghĩa.
- d. Liên bang Xô Viết được thành lập dựa trên cơ sở hợp tác xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thắng lợi của Liên Xô và các nước Đồng minh (Anh – Pháp – Mỹ) cùng lực lượng dân chủ thế giới chống phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai đã tạo điều kiện cho phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ mạnh mẽ, dẫn đến sự ra đời nhiều nước xã hội chủ nghĩa ở châu Á và ở Cu – ba (khu vực Mỹ Latinh)

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, bộ Chân trời sáng tạo, tr. 22)

- a. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống xã hội chủ nghĩa mở rộng sang châu Á và khu vực Mỹ Latinh
- b. Hiện nay, Cu – ba là quốc gia duy nhất ở khu vực Mỹ Latinh đi theo con đường xã hội chủ nghĩa
- c. Lực lượng phát xít bị đánh bại trong chiến tranh thế giới hai tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của nhiều nước xã hội chủ nghĩa
- d. Nguyên nhân quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc sau chiến tranh thế giới thứ hai là do thắng lợi phe Đồng minh trong cuộc chiến chống phát xít..



BÀI 4. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ 1991 ĐẾN NAY

A. LÝ THUYẾT

1. Khái quát chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

- Từ 1991 đến nay, nhiều nước vẫn kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và đạt nhiều thành tựu như Trung Quốc, Việt Nam, Cu-ba, Lào.
- Một số nước tiến hành cải cách, đổi mới nhằm xác định mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp.
- Mục tiêu lí tưởng: xây dựng xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

2. Thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc

a. Thành tựu của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc

Cuối năm 1978, Trung Quốc thực hiện cải cách và mở cửa đã đạt được nhiều thành tựu:

*** Về kinh tế**

- Thực hiện nền kinh tế thị trường, chú trọng phát triển khoa học - kĩ thuật.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giai đoạn 2020 – 2021 là 5,1% dẫn đầu các nền kinh tế trên thế giới.

*** Về xã hội**

- Xây dựng xã hội hiện đại, chú trọng an sinh xã hội.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

*** Về văn hoá**

- Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa, đề cao văn hoá dân tộc.

*** Về khoa học - kĩ thuật**

- Phóng tàu “Thần Châu” chinh phục vũ trụ.

b. Ý nghĩa công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc

- Đưa Trung Quốc thoát khỏi khủng hoảng.

- Kinh tế phát triển, chính trị - xã hội ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện.

- Nâng cao vị thế trên trường quốc tế, tạo điều kiện hội nhập quốc tế trên nhiều lĩnh vực.

=> Thể hiện sự đúng đắn của công cuộc xây dựng CNXH ở Trung Quốc, làm phong phú thêm lí luận về mô hình phát triển của CNXH.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1. Từ năm 1991 đến nay, nhân dân một số nước ở khu vực nào sau đây tiến hành cải cách, đổi mới, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa?

A. Châu Á.

B. Bắc Phi.

C. Tây Âu.

D. Nam Phi.

Câu 2. Miền Bắc Việt Nam tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội sau thắng lợi của

A. cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954.

B. Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết năm 1973.

C. cuộc kháng chiến chống Mỹ và tay sai năm 1975.

D. quá trình thống nhất hai miền Nam – Bắc năm 1976.

Câu 3. Thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cu-ba từ năm 1991 đã chứng minh

A. sức sống của chủ nghĩa xã hội trong một thế giới có nhiều biến động.

B. chủ nghĩa tư bản tiếp tục bộc lộ nhiều hạn chế.

C. chủ nghĩa tư bản đã chính thức không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới.

D. chủ nghĩa xã hội ngày càng được mở rộng và phát triển.

Câu 4. Một trong những khó khăn của Cuba trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1991 đến nay là

A. lệnh cấm vận kéo dài của Mỹ và phương Tây.

B. sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch.

C. mô hình kinh tế tập trung bao cấp kém hiệu quả.

D. mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo không thể điều hòa

Câu 5. Tháng 12-1978, gắn với sự kiện trọng đại nào ở Trung Quốc?

A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Xây dựng chủ nghĩa tư bản.

C. Xây dựng dân giàu, nước mạnh.

D. Thực hiện cải cách mở cửa.

Câu 6. Trọng tâm của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc (từ tháng 12 - 1978) là

A. lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

B. lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.

C. chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục.

D. tập trung cải cách triệt để về kinh tế.

Câu 7. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng đường lối mới trong công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978?

A. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.

B. Tiến hành cải cách và mở cửa.

C. Xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

D. Thực hiện đường lối “Ba ngọn cờ hồng”.

Câu 8. Năm 2010, quốc gia nào sau đây có nền kinh tế đứng thứ hai thế giới?

A. Liên Xô.

B. Nhật Bản.

C. Việt Nam.

D. Trung Quốc.

Câu 9. Những thành tựu trong công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc cho thấy sự đúng đắn của con đường xây dựng

A. chủ nghĩa xã hội.

B. chủ nghĩa dân tộc.

C. chủ nghĩa yêu nước.

D. chủ nghĩa cơ hội.

Câu 10. Trong 30 năm thực hiện đường lối cải cách (1978 - 2008), Trung Quốc đã đạt được thành tựu nào sau đây về kinh tế?

A. Là quốc gia thứ ba thế giới có tàu và người bay vào vũ trụ

B. Thiết lập được quan hệ đối ngoại với hầu hết các quốc gia

C. Là cường quốc xuất khẩu vũ khí và trang thiết bị quân sự

D. Là quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế nhanh nhất thế giới.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** phải là thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội của Trung Quốc từ khi cải cách mở cửa đến nay?

A. Bình quân tăng trưởng vượt xa mức trung bình của thế giới.

B. Có những trung tâm công nghệ cao, đặc khu kinh tế hàng đầu châu Á.

C. Trở thành một cường quốc đối mới sáng tạo đứng đầu thế giới.

D. Đạt được những tiến bộ vượt bậc trong lĩnh vực công nghệ mới.

Câu 12. Từ cuối thế kỷ XX, vị thế của Trung Quốc không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế là do

A. sự điều chỉnh chính sách đối ngoại và bình thường hóa quan hệ với nhiều nước.

B. sở hữu nhiều vũ khí hạt nhân và công nghệ quốc phòng nhiều nhất trên thế giới.

C. ra sức thực hiện “giấc mơ Trung Hoa”, âm mưu làm bá chủ trên toàn thế giới.

D. thường xuyên gây ra nhiều cuộc chiến tranh xâm và nô dịch các nước láng giềng.

Câu 13. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về thành tựu cơ bản của nền kinh tế Trung Quốc từ sau khi thực hiện công cuộc cải cách mở cửa (12-1978)?

A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định.

B. Nền nông nghiệp phát triển toàn diện.

C. Nền công nghiệp phát triển hoàn chỉnh.

D. Vươn lên trở thành cường quốc công nghiệp.

Câu 14. Từ thành công của Liên Xô (1945-1973), đã để lại cho Việt Nam bài học kinh nghiệm gì trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước hiện nay?

- A. Tinh thần “tự lực tự cường” trong xây dựng đất nước.
- B. Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- C. Chỉ mở rộng hợp tác, giao lưu với các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Mở cửa hội nhập, ứng dụng khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.

Câu 15. Điểm giống nhau cơ bản giữa cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc (1978) và công cuộc đổi mới ở Việt Nam (1986) là gì?

- A. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.
- B. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- C. Chỉ chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục.
- D. Tập trung cải cách triệt để về kinh tế.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Mỗi trẻ em sinh ra ở Cu – ba, khi lên 5 tuổi, đều có quyền bắt đầu những năm tháng đi học hoàn toàn miễn phí. Học xong mẫu giáo, các em sẽ được chuyển sang học tại một trường tiểu học. Phổ cập giáo dục áp dụng với mọi trẻ em từ 6 tuổi tới hết cấp hai cơ bản (thường là 15 tuổi). Giáo dục, gồm cả giáo dục đại học đều miễn phí với mọi công dân Cu – ba, không phân biệt giàu nghèo hay thành phần xã hội. Ngày nay, chế độ giáo dục bắt buộc ở Cu – ba là từ mẫu giáo đến lớp 9.... Cu – ba đứng số 1 thế giới về tỉ lệ đầu tư ngân sách cho giáo dục, chiếm tới 13% GDP. Với số lượng đi kèm chất lượng đào tạo hiện nay, UNESCO xếp Cu – ba là nước có hệ thống giáo dục tốt nhất khu vực Mỹ Latinh, bất chấp việc Cu – ba là một trong những quốc gia kém phát triển nhất khu vực”.

(Theo Tạp chí Mặt trận, *Cu – ba và hệ thống phúc lợi xã hội thuộc top đầu thế giới*, phát hành ngày 10/8/2018)

- a. Hệ thống giáo dục miễn phí luôn là ưu tiên hàng đầu của Cu – ba, thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội
- b. Cu – ba thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc đối với mọi trẻ em đến hết cấp hai cơ bản
- c. Do có nền kinh tế phát triển hàng đầu khu vực Mỹ Latinh nên Cu – ba có điều kiện tốt nhất đầu tư cho giáo dục
- d. Giáo dục Cu – ba được cộng đồng quốc tế đánh giá cao về chất lượng đào tạo

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 2020, 75% thành phố của Trung Quốc với dân số 500 nghìn người trở lên có đường sắt cao tốc. Trong khi đó, ở Tây Ban Nha, quốc gia có mạng lưới đường sắt tốc độ cao lớn nhất châu Âu và đứng thứ 2 toàn cầu chỉ có hơn 3 nghìn km đường sắt chuyên dụng đáp ứng tàu tốc độ 250km/h. Ở Vương quốc Anh chỉ có 107km, trong khi ở Mỹ chỉ có 1 tuyến đường sắt gần như đủ tiêu chuẩn cho tàu cao tốc. Đến cuối năm 2021, tổng chiều dài đường sắt của Trung Quốc đã lên đến 150 nghìn km, bao gồm 40 nghìn km đường sắt cao tốc. Đường sắt cao tốc Trung Quốc hiện chiếm 66,3% tổng chiều dài đường sắt cao tốc trên toàn thế giới”

(Theo Tạp chí Giao thông vận tải, *Trung Quốc đã trở thành cường quốc đường sắt cao tốc như thế nào?*)

- a. Hiện nay, Trung Quốc là quốc gia có mạng lưới đường sắt cao tốc phát triển nhất thế giới
- b. Tổng chiều dài đường sắt cao tốc của Trung Quốc nhiều hơn tổng chiều dài đường sắt cao tốc của Tây Ban Nha, Anh, Mỹ cộng lại
- c. Đoạn trích phản ánh một trong những thành tựu nổi bật về khoa học – kỹ thuật và phát triển cơ sở hạ tầng của Trung Quốc hiện nay
- d. Năm 2020, toàn bộ các thành phố của Trung Quốc đều có hệ thống đường sắt cao tốc bao phủ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây

Ngày 1-1-1959, cách mạng Cu-ba thành công, nhân dân và các chiến sĩ cách mạng yêu nước Cu-ba, dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô, đã lật đổ chế độ độc tài Ba-ti-xta, thiết lập Nhà nước công nông đầu tiên ở Tây bán cầu, đưa "hòn đảo tự do" bước vào kỷ nguyên mới, độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sự ra đời và tồn tại của Nhà nước Cu-ba xã hội chủ nghĩa đã cổ vũ, khích lệ các dân tộc bị áp bức trên thế giới đẩy mạnh cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

(Trích Báo nhân dân số ra ngày 18 tháng 4 năm 2021)

- a. Sau khi lật đổ chế độ độc tài thân Mỹ Ba-ti-xta, cách mạng Cu-ba thành công, nước Cộng hoà Cu-ba ra đời.
- b. Sự ra đời và tồn tại của Nhà nước Cu-ba xã hội chủ nghĩa đã tạo tiền đề cho các nước trong khu vực Mỹ Latinh đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội.
- c. Cu-ba trở thành lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- d. Chính sách nhượng bộ của chế độ độc tài thân Mỹ tạo điều kiện cho sự ra đời nước cộng hoà Cu-ba.



CHƯƠNG 3

QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC QUỐC GIA Ở ĐÔNG NAM Á

BÀI 5. QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

A. LÝ THUYẾT

1. Quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á

a. Đông Nam Á hải đảo

* Nguyên nhân

- Do nhu cầu về thị trường và thuộc địa của các nước phương Tây tăng.
- Chế độ phong kiến ở Đông Nam Á suy yếu, khủng hoảng.

* Quá trình xâm lược của phương Tây.

- Ấn Độ: Thế kỉ XV – XVI bị Bồ Đào Nha và Hà Lan xâm lược, thế kỉ XIX, Hà Lan hoàn thành xâm chiếm.

- Philippin: thế kỉ XVI do Tây Ban Nha cai trị. Từ năm 1899, trở thành thuộc địa của Mỹ.
- Mã Lai: trở thành thuộc địa của Anh từ 1895.

*** Chính sách cai trị**

- Chính sách cai trị hà khắc, đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân.
- Vơ vét, bóc lột cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên

=>Tình trạng lạc hậu, phụ thuộc kinh tế phương Tây.

b. Đông Nam Á lục địa

- Thế kỉ XIX, các nước phương Tây bắt đầu xâm lược Đông Nam Á lục địa.
- + Miến Điện: Bị Anh thôn tính và sáp nhập.
- + Việt Nam, Lào, Campuchia: Trở thành thuộc địa của Pháp.
- + Xiêm: chính sách ngoại giao mềm dẻo, nên giữ được nền độc lập tương đối.
- Chính sách cai trị của Thực dân Anh và Pháp
- + Chính trị: tiến hành “chia để trị”.
- + Kinh tế: khai thác tài nguyên, thuế khóa nặng nề.
- + Văn hóa: chính sách nô dịch và đồng hóa.

2. Công cuộc cải cách ở Xiêm

a. Công cuộc cải cách ở Xiêm

*** Bối cảnh lịch sử**

- + Giữa thế kỉ XIX, Xiêm đứng trước nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây.
- + Từ 1851 - 1910, vua Rama IV và Rama V đã tiến hành công cuộc cải cách.

*** Nội dung**

- Về kinh tế:
 - + Giảm thuế, xoá bỏ lao dịch.
 - + Khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh, xây dựng nhà máy...
- Về chính trị:
 - + Đứng đầu nhà nước là vua.
 - + Hội đồng Nhà nước giữ vai trò tư vấn, Hội đồng Chính phủ phụ trách hành pháp.
- Quân đội: trang bị và huấn luyện theo kiểu phương Tây.
- Về xã hội: xoá bỏ chế độ nô lệ, giải phóng người lao động.
- Về văn hoá, giáo dục: mở trường học theo mô hình phương Tây.
- Về ngoại giao: mềm dẻo, lợi dụng vị trí nước đệm để giữ gìn chủ quyền đất nước.

b. Ý nghĩa công cuộc cải cách ở Xiêm

- Góp phần bảo vệ nền độc lập, chủ quyền trước sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân.
- Đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1. Từ đầu thế kỉ XVI, các nước phương Tây xâm nhập vào các nước Đông Nam Á thông qua hoạt động

- A.** truyền giáo. **B.** thể thao. **C.** du lịch. **D.** nhân đạo.

Câu 2. Từ đầu thế kỉ XVI các nước phương Tây xâm nhập vào các nước Đông Nam Á thông qua hoạt động

- A. buôn bán. B. thể thao. C. du lịch. D. nhân đạo.

Câu 3. Thực dân phương Tây xâm nhập vào các nước Đông Nam Á thông qua hoạt động

- A. chiến tranh xâm lược. B. hoạt động thể thao.
C. quảng bá du lịch. D. hỗ trợ nhân đạo.

Câu 4. Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây vào khu vực Đông Nam Á diễn ra trong bối cảnh chế độ phong kiến ở Đông Nam Á

- A. khủng hoảng, suy thoái. B. đang được hình thành.
C. ổn định, phát triển. D. sụp đổ hoàn toàn.

Câu 5. Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây vào khu vực Đông Nam Á diễn ra trong bối cảnh chế độ phong kiến ở Đông Nam Á

- A. suy thoái khủng hoảng về chính trị, kinh tế, xã hội.
B. đang trong giai đoạn bắt đầu mới hình thành.
C. trong giai đoạn phát triển mạnh về kinh tế, văn hóa.
D. đạt nhiều thành tựu rực rỡ về khoa học - kĩ thuật.

Câu 6. Về mặt chính trị, sau khi hoàn thành xâm lược Đông Nam Á các nước thực dân phương Tây đã thi hành chính sách

- A. "chia để trị". B. "ngu dân". C. "đồng hóa". D. "phản phong".

Câu 7. Đến đầu thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á **không** trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây?

- A. In-đô-nê-xi-a. B. Xiêm. C. Ma-lai-xi-a. D. Bru-nây.

Câu 8. Trong chính sách cai trị về văn hóa, xã hội và giáo dục ở Đông Nam Á, thực dân phương Tây đã

- A. kìm hãm người dân thuộc địa trong tình trạng lạc hậu.
B. phát triển kinh tế ở những nơi có điều kiện phù hợp.
C. chú trọng xây dựng hệ thống đường giao thông.
D. chú trọng thực hiện các chính sách xóa nghèo – đói.

Câu 9. Trong chính sách cai trị về văn hóa, xã hội và giáo dục ở Đông Nam Á, thực dân phương Tây đã

- A. làm xói mòn giá trị truyền thống của các quốc gia.
B. phát triển kinh tế ở những nơi có điều kiện phù hợp.
C. chú trọng xây dựng hệ thống đường giao thông.
D. chú trọng thực hiện các chính sách xóa nghèo – đói.

Câu 10. Vào giữa thế kỉ XIX, Vương quốc Xiêm đứng trước sự đe dọa xâm lược của

- A. thực dân phương Tây. B. phong kiến Trung Quốc.
C. quân phiệt Nhật Bản. D. đế quốc Mông Cổ.

Câu 11. Những nội dung cải cách của vua Ra-ma V đã đưa Xiêm phát triển theo

- A. con đường tư bản chủ nghĩa. B. con đường xã hội chủ nghĩa.

C. thể chế Tổng thống Liên bang.

D. liên kết với các nước trong khu vực.

Câu 12. Từ năm 1892, vua Ra-ma V tiến hành cải cách hành chính theo mô hình của

A. Nhật Bản.

B. Trung Quốc.

C. phương Tây.

D. Ấn Độ.

Câu 13. Các nước Đông Nam Á hải đảo là đối tượng đầu tiên thu hút sự chú ý của thực dân phương Tây vì lí do nào sau đây?

A. Giàu tài nguyên, có nguồn nguyên liệu và hàng hóa phong phú.

B. Là khu vực có dân số đông nhất và đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ.

C. Là khu vực có tình trạng chính trị không ổn định do bị chia cắt.

D. Là khu vực có nhiều thương cảng sầm uất nhưng thiếu sự quản lí.

Câu 14. Nội dung nào sau đây là mục đích của thực dân phương Tây khi thực hiện chính sách “chia để trị” ở Đông Nam Á?

A. Làm suy yếu sức mạnh dân tộc của các nước.

B. Để các nước dễ dàng trong việc buôn bán.

C. Để phát huy sức mạnh của từng quốc gia.

D. Để đầu tư cho từng nước không bị phân tán.

Câu 15. Để giữ gìn chủ quyền của đất nước, vua Ra-ma V đặc biệt quan tâm đến chính sách

A. thể thao.

B. văn hóa.

C. tôn giáo.

D. ngoại giao.

Câu 16. Nội dung nào sau đây **không** phải là kết quả cuộc cải cách của vua Ra-ma V ở Xiêm?

A. Trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.

B. Phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

C. Băng Cốc trở thành trung tâm buôn bán sầm uất.

D. Đất nước giữ được nền độc lập tương đối.

Câu 17. Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được độc lập tương đối về chính trị vì lí do nào sau đây?

A. Thực hiện cải cách đất nước, ngoại giao mềm dẻo.

B. Xiêm là nước có tiềm lực mạnh về kinh tế.

C. Xiêm liên minh quân sự chặt chẽ với nước Mỹ.

D. Xiêm đã tiến hành cuộc cách mạng tư sản sớm.

Câu 18. Điểm tương đồng của Xiêm và Nhật Bản trong đường lối phát triển đất nước giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là gì?

A. Tiến hành cải cách và trở thành cường quốc ở châu Á.

B. Điều lệ thuộc vào các nước phương thực dân phương Tây.

C. Tiến hành cải cách và phát triển theo tư bản chủ nghĩa.

D. Điều không đạt được mục đích trong công cuộc cải cách.

Câu 19. Việt Nam rút ra được bài học gì từ những cải cách ở nước Xiêm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX để bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc?

A. Thực hiện mở cửa buôn bán tự do.

B. Du nhập tự do văn hóa phương Tây.

C. Thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo.

D. Cải cách hành chính theo mô hình phương Tây.

Câu 20. Cuộc cải cách ở Xiêm (nửa sau thế kỉ XIX) có hạn chế nào sau đây?

A. Phải vay vốn từ các nước Anh, Pháp để phát triển đất nước.

B. Cắt nhượng một số vùng đất phụ thuộc để giữ gìn chủ quyền.

C. Đưa đất nước phát triển theo mô hình của các nước phương Tây.

D. Lợi dụng vị trí nước “vùng đệm” và phát huy thế mạnh kinh tế.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thế kỉ XVI, các mặt hàng hương liệu như tiêu, gừng, đinh hương, nhục đậu khấu, trầm hương,... của Đông Nam Á có sức hút mạnh mẽ đối với châu Âu. Bồ Đào Nha là cường quốc đầu tiên chinh phục quốc gia Hồi giáo Ma – lắ – ca (năm 1511). Nhanh chóng, người Hà Lan chiếm Ma – lắ – ca từ tay người Bồ Đào Nha (năm 1641), thiết lập thành phố Ba – ta – vi – a thông qua công ty Đông Ấn; Tây Ban Nha bắt đầu thực dân hóa Phi – lip – pin từ năm 1542; công ty Đông Ấn Anh chiếm Xin – ga – po, làm cơ sở thương mại chính của người Anh để cạnh tranh với người Hà Lan”.

(Sách giáo khoa *Lịch sử 11*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.30)

a. Đoạn trích phản ánh quá trình xâm nhập của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á lục địa từ thế kỉ XVI

b. Phi – lip – pin bị thực dân Tây Ban Nha xâm lược từ giữa thế kỉ XVI

c. Quốc gia Hồi giáo Ma – lắ – ca từng là thuộc địa của Bồ Đào Nha và Hà Lan

d. Đông Nam Á là khu vực có nguồn hương liệu phong phú, có giá trị cao nên đã nhanh chóng trở thành đối tượng xâm lược của thực dân phương Tây.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Từ năm 1892, Ra – ma V tiến hành cuộc cải cách hành chính. Sau khi cử nhiều đoàn đi nghiên cứu thể chế của một số nước châu Âu, giai cấp thống trị Xiêm coi mô hình nhà nước quân chủ lập hiến của đế quốc Đức là phù hợp với tình hình Xiêm. Vua vẫn là người có quyền lực tối cao trong toàn quốc. Bên cạnh vua có Hội đồng nhà nước đóng vai trò cơ quan tư vấn, khởi thảo luật pháp. Bộ máy hành pháp của triều đình được thay thế bằng Hội đồng Chính phủ gồm 12 bộ trưởng”

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử Vương quốc Thái Lan*, NXB Giáo dục, 1994, tr.92)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về cải cách của vua Ra – ma V trên tất cả mọi lĩnh vực

b. Cuộc cải cách hành chính của vua Ra – ma V bắt đầu được tiến hành từ cuối thế kỉ XVIII

c. Thể chế nhà nước quân chủ lập hiến mà Xiêm xây dựng từ cuộc cải cách của vua Ra – ma V là học tập theo mô hình của phương Tây

d. Với cải cách của vua Ra- ma V, Hội đồng nhà nước đóng vai trò lập pháp, còn Hội đồng Chính phủ đóng vai trò hành pháp.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau

“Điểm chung của chính sách thống trị thực dân ở Đông Nam Á là khai thác, vơ vét và bòn rút các quốc gia trong khu vực bằng chính sách thuế khóa đánh vào các tầng lớp nhân dân bản địa, cướp ruộng đất lập đồn điền, bóc lột sức người, khai thác tài nguyên; thông qua khai thác triệt để sản phẩm nông nghiệp, tiếp tục đầu tư để bóc lột lâu dài trong công nghiệp... Vì vậy, cao su, cà phê, chè, lúa gạo là những sản vật đặc trưng của Đông Nam Á được thực dân phương Tây chú ý khai thác từ sớm”

(Lương Ninh (Chủ biên), *Đông Nam Á: Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, tr.337)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về chính sách khai thác, bóc lột của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á.
- b. Trong công nghiệp, thực dân phương Tây tìm cách vơ vét, bòn rút các nước Đông Nam Á thông qua việc cướp ruộng đất lập đồn điền.
- c. Những sản vật được coi là thế mạnh của các nước Đông Nam Á được thực dân phương Tây chú ý đầu tư khai thác sớm để thu lợi nhuận cao.
- d. Khai thác tài nguyên thiên nhiên không phải là điểm chung trong chính sách cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chính quyền thực dân thường chia một nước hoặc vùng thuộc địa thành các vùng miền với các hình thức cai trị khác nhau và do đó, dân cư mỗi vùng trong một nước lại chịu nhiều hình thức cai trị khác nhau, tạo ra sự mâu thuẫn giữa họ với nhau để thực dân dễ bề cai trị... Ví dụ, khi thống trị ở Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và Bru-nây, thực dân Anh đã hoà trộn ba khu vực này vào nhau, sau đó chia thành bốn khu vực mới với chế độ cai trị khác nhau.”

(Theo Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, 2005, tr. 233-234)

- a. Đoạn trích tóm tắt quá trình thực dân Anh xâm lược một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á
- b. “Chính quyền thực dân thường chia một nước hoặc vùng thuộc địa thành các vùng miền với các hình thức cai trị khác nhau...” là biểu hiện rõ nét của chính sách “chia để trị”
- c. Chính quyền thực dân chia một nước hoặc vùng thuộc địa thành các vùng miền với các hình thức cai trị khác nhau nhằm mục đích chia rẽ khối đoàn kết dân tộc ở các nước thuộc địa
- d. “Chia để trị” là chính sách cai trị độc đáo, khác biệt của thực dân Anh so với các nước thực dân khác trong quá trình cai trị Đông Nam Á.



BÀI 6. HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

A. LÝ THUYẾT

1. Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á

a. Đông Nam Á hải đảo

* Ở In-đô-nê-xi-a.

- Kẻ thù: Thực dân Hà Lan.

- Địa bàn rộng khắp: A-chê, Xu-ma-tra, Ba Tắc...
- Lãnh đạo: giai cấp tư sản dân tộc và tầng lớp trí thức.

* Phi-líp-pin

- Kẻ thù: Thực dân Tây Ban Nha.
- Địa bàn: Ba-tan-ga, Ca-vi-tê, Su-lu...

b. Đông Nam Á lục địa

* Mi-an-ma

- Phong trào đấu tranh chống thực dân Anh bùng lên mạnh mẽ từ đầu thế kỉ XX.
- Mục tiêu đòi quyền lợi như giảm thuế, cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ văn hoá truyền thống.

- Lãnh đạo: Các vị cao tăng và trí thức.

* Cam-pu-chia: Phong trào đấu tranh chống Pháp diễn ra quyết liệt, Tiêu biểu của Hoàng thân Si-vô-tha, A-cha-xoa, Pu-côm-bô.

* Lào: phong trào đấu tranh chống Pháp phát triển.

* Việt Nam

- Phong trào chống Pháp của nhân dân nổ ra ngay từ khi thực dân Pháp vừa tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược
- Phong trào lan rộng khắp các tỉnh Nam Kỳ, Bắc Kỳ.

2. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

a. Giai đoạn cuối thế kỉ XIX đến năm 1920

- Nhiệm vụ: giải phóng dân tộc.
- Hình thức: bạo động cách mạng, khởi nghĩa, cải cách ôn hoà ...

b. Giai đoạn 1920 – 1945

- Từ 1920 – 1939:
 - + Mục tiêu: chống chính sách cai trị, bóc lột của thực dân phương Tây.
 - + Hình thức: cải cách ôn hoà và bạo động vũ trang.
- Từ 1930, thành lập Đảng cộng sản để lãnh đạo phong trào đấu tranh.
- 1940 – 1945: chống xâm lược và cai trị của quân phiệt Nhật và giành thắng lợi.

c. Giai đoạn 1945 – 1975

- Việt Nam, Lào, Campuchia đấu tranh chống Pháp và Mỹ xâm lược.
- Các nước còn lại đàm phán hoà bình với chính quyền thực dân để giành độc lập.

3. Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập

a. Những ảnh hưởng của chế độ thực dân

* Tiêu cực:

- Kinh tế: lạc hậu, phụ thuộc vào kinh tế tư bản chủ nghĩa phương Tây.
- Chính trị - xã hội: Chính sách “chia để trị” làm mâu thuẫn xã hội gay gắt.
- Văn hoá: chính sách đồng hoá văn hoá đã làm mai một giá trị văn hoá bản địa.

* Tích cực:

- Xây dựng hệ thống giao thông vận tải, cầu cảng, nhà máy, hầm mỏ...

- Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa du nhập vào Đông Nam Á.

b. Quá trình tái thiết và phát triển

* ***Nhóm năm nước sáng lập ASEAN*** gồm: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan. trải qua ba giai đoạn chính

- Giai đoạn 1: Từ sau khi giành độc lập đến năm 1967

+ Chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu nhằm xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu.

+ Hạn chế: Thiếu vốn, nguyên liệu...

Giai đoạn 2: Từ năm 1967 đến cuối thập niên 1980

+ Chiến lược công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo.

+ Thu hút vốn đầu tư, phát triển kinh tế đối ngoại.

+ Kết quả: Kinh tế, xã hội biến đổi to lớn, kinh tế đối ngoại tăng trưởng nhanh.

Giai đoạn 3: Từ những năm 1990 đến nay

+ Hội nhập kinh tế thế giới, hợp tác khu vực.

+ Kết quả: Tốc độ tăng trưởng cao. Xin-ga-po trở thành “con rồng” kinh tế châu Á.

* ***Nhóm các nước Đông Dương***

- Campuchia:

+ 1975-1991, tình hình chính trị bất ổn, kinh tế khủng hoảng.

+ Từ 1991 đến nay, kinh tế phục hồi và tăng trưởng, hợp tác với Trung Quốc.

- Lào:

+ 1975-1986, xây dựng nền kinh tế tập trung và đạt được một số thành tựu, nhưng còn khó khăn.

+ Từ 1986 đến nay: thực hiện đổi mới, kinh tế - xã hội ổn định.

- Việt Nam:

+ Từ 1986, thực hiện đổi mới, hình thành nền kinh tế thị trường.

+ 1996 – 2000, kinh tế tăng trưởng nhanh, xuất khẩu lúa gạo lớn nhất thế giới

+ Thế kỉ XXI, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế.

* ***Các nước khác ở Đông Nam Á***

- Bru-nây

+ Nằm trong nhóm nước có thu nhập đầu người cao nhất thế giới.

+ Cuối thế kỉ XX, thi hành chính sách đa dạng hoá nền kinh tế.

- Mi-an-ma

+ Sau khi giành độc lập, thực hiện chính sách tự lực hướng nội, kinh tế tăng trưởng chậm.

+ Năm 1988, tiến hành cải cách kinh tế và “mở cửa”, kinh tế có phần khởi sắc.

- Đông Ti-mo: năm 2002 được quốc tế công nhận là một quốc gia độc lập.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1. Năm 1945, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á tuyên bố độc lập sớm nhất?

A. Việt Nam.

B. In-đô-nê-xi-a.

C. Lào.

D. Thái Lan.

Câu 2. Phong trào chống thực dân xâm lược ở các nước Đông Nam Á hải đảo bùng nổ từ rất sớm, tiêu biểu là ở

A. In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a.

B. In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

C. Ma-lai-xi-a và Bru-nây.

D. Xin-ga-po và Việt Nam.

Câu 3. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á được coi là một trong bốn “con rồng kinh tế” của châu Á?

A. Việt Nam.

B. Thái Lan.

C. Xin-ga-po.

D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 4. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, nhân dân In-đô-nê-xi-a nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của thực dân nào sau đây?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Tây Ban Nha.

D. Hà Lan.

Câu 5. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Lào nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của thực dân

A. Anh.

B. Pháp.

C. Ban Nha.

D. Hà Lan.

Câu 6. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á tận dụng thời cơ Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện (tháng 8-1945) để tiến hành giành độc lập?

A. Mi-an-ma, Lào, Thái Lan.

B. In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Lào.

C. Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia.

D. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

Câu 7. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Mi-an-ma nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của thực dân

A. Anh.

B. Pháp.

C. Tây Ban Nha.

D. Hà Lan.

Câu 8. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Cam-pu-chia nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của thực dân

A. Anh.

B. Pháp.

C. Tây Ban Nha.

D. Hà Lan

Câu 9. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Việt Nam nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của thực dân

A. Anh.

B. Pháp.

C. Tây Ban Nha.

D. Hà Lan.

Câu 10. Từ giữa những năm 50 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược phát triển kinh tế nào sau đây?

A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.

B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.

C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc.

D. Quốc hữu hóa các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 11. Từ giữa những năm 60 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược phát triển kinh tế nào sau đây?

A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.

B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.

C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc.

D. Quốc hữu hóa các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 12. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** quá trình chuyển biến của cách mạng ở khu vực Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1920?

A. đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang giành chính quyền.

B. đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị giành độc lập dân tộc.

C. đấu tranh chống xâm lược sang đấu tranh giành độc lập dân tộc

D. đấu tranh giành độc lập dân tộc sang đấu tranh giành chính quyền.

Câu 13. Từ giữa những năm 50 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN tiến hành chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu với mục tiêu

A. đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.

B. nhanh chóng phát triển các ngành công nghiệp nặng, hội nhập với thị trường thế giới.

C. mở cửa nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư, kĩ thuật và công nghệ hiện đại của nước ngoài.

D. tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu, phát triển kinh tế đối ngoại, hội nhập thế giới.

Câu 14. Nội dung nào sau đây là một trong những chính sách phát triển kinh tế của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia được thực hiện từ những năm 80 của thế kỉ XX?

A. Lựa chọn con đường phát triển đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa.

B. Tiến hành công nghiệp hóa, từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường.

C. Đẩy mạnh xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.

D. Cải cách đất nước một cách toàn diện, trong đó đổi mới chính trị là trọng tâm.

Câu 15. Nội dung nào sau đây là một trong những chính sách phát triển kinh tế của Chính phủ Bru-nây được thực hiện từ những năm 80 của thế kỉ XX?

A. Phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

B. Cải cách đất nước, lấy đổi mới về chính trị làm trọng tâm.

C. Xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.

D. Đa dạng hoá nền kinh tế, gia tăng sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Câu 16. Nội dung nào sau đây **không** phải là tác động tích cực trong chính sách cai trị của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á?

A. du nhập nền sản xuất công nghiệp.

B. gắn kết khu vực với thị trường thế giới.

C. thúc đẩy phát triển một số yếu tố về văn hóa.

D. các mâu thuẫn xã hội được giải quyết triệt để.

Câu 17. Mâu thuẫn bao trùm lên xã hội Đông Nam Á trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là gì?

A. Nhân dân Đông Nam Á với thực dân xâm lược.

B. Giai cấp nông dân và địa chủ phong kiến.

C. Giai cấp tư sản với chính quyền thực dân.

D. Giai cấp vô sản với giai cấp tư sản.

Câu 18. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng tác động từ chính sách “chia để trị” của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á?

A. Tranh chấp biên giới.

B. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.

C. Tranh chấp lãnh thổ.

D. Gắn kết khu vực và thế giới.

Câu 19. Nguyên nhân quyết định làm cho thực dân Pháp không thực hiện được âm mưu đánh nhanh thắng nhanh trong quá trình xâm lược Việt Nam (1858 - 1884)?

A. Quân Pháp từ xa đến, không quen khí hậu, địa hình Việt Nam.

B. Quan quân triều Nguyễn có chiến thuật đánh Pháp độc đáo.

C. Triều đình nhà Nguyễn kiên định lãnh đạo nhân dân kháng chiến.

D. Pháp vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân Việt Nam.

Câu 20. Chính sách nô dịch, áp đặt văn hóa ngoại lai của chính quyền thực dân tác động như thế nào đến nền văn hóa các dân tộc ở Đông Nam Á?

- A. Cư dân Đông Nam Á được khai hóa văn minh.
- B. Thúc đẩy sự hòa hợp tôn giáo ở nhiều nước.
- C. Xói mòn những giá trị văn hóa truyền thống.
- D. Đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tại Tây Ninh, Trương Quyền liên minh với Pu – côm – bô đánh Pháp. Nguyễn Hữu Huân xây dựng căn cứ ở Đồng Tháp Mười, liên kết với A – cha Xoa (Cam – pu – chia) chống Pháp. Ông bị thực dân Pháp bắt, đày ra hải đảo, khi được tha về lại tiếp tục tổ chức lực lượng đánh Pháp dọc theo các tỉnh Tân An, Mỹ Tho cho đến năm 1875. Tại căn cứ Hòn Chông (Rạch Giá), Nguyễn Trung Trực xây dựng lực lượng mở rộng kháng Pháp khắp vùng Rạch Giá, Kiên Giang...”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ chân trời sáng tạo, tr.37)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam tại Bắc Kỳ.
- b. Một số cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta có liên minh chặt chẽ với phong trào kháng chiến ở Cam – pu – chia.
- c. Nguyễn Trung Trực đã xây dựng căn cứ ở Tây Ninh và tổ chức lực lượng đánh Pháp ở khắp Tây Ninh, Rạch Giá, Kiên Giang.
- d. Trương Quyền, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực đã có sự liên kết chặt chẽ, thống nhất với nhau trong quá trình kháng chiến chống Pháp.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

... Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

... Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ chân trời sáng tạo, tr.39)

- a. Đoạn trích trên tập trung tố cáo tội ác của phát xít Nhật trong quá trình thống trị Việt Nam.
- b. Những tội ác của chính quyền thực dân đối với nhân dân ta được thể hiện toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục.
- c. Một trong những chính sách cai trị của chính quyền thực dân được nhắc đến trong đoạn trích là chính sách “chia để trị”
- d. ...“ràng buộc dư luận”, “chính sách ngu dân”, “dùng thuốc phiện, rượu cồn” là những chính sách và tội ác của chính quyền thực dân trên lĩnh vực chính trị.



CHƯƠNG 4

CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

BÀI 7. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1945)

A. LÝ THUYẾT

1. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

a. Vị trí địa chiến lược của Việt Nam

- Việt Nam có vị trí địa chiến lược quan trọng cả trên đất liền và trên biển, nằm trên các trục giao thông quốc tế.

- Đây là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng của các cường quốc.

=> Việt Nam thường xuyên phải đối mặt với những cuộc bành trướng của các nước lớn. Do đó, phải tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

b. Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

* Vai trò:

- Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, chống sự xâm lược của các nước lớn để bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

* Ý nghĩa:

- Viết nên những trang sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam.

- Tạo nên sức mạnh đoàn kết dân tộc và để lại nhiều kinh nghiệm cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

2. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

STT	Tên cuộc kháng chiến	Thời gian	Lãnh đạo	Tướng giặc	Trận quyết chiến	Kết quả/ý nghĩa
1	Kháng chiến chống quân Nam Hán	938	Ngô Quyền	Lưu Hoàng Tháo	Sông Bạch Đằng (Hải Phòng – Quảng Ninh)	Thắng lợi Mở đầu thời kì độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử dân tộc.
2	Kháng chiến chống Tống	981	Lê Hoàn	Tướng Hầu Nhân Bảo tử trận	Lục Đầu giang (Hải Dương) Sông Bạch Đằng (Hải Phòng – Quảng Ninh)	Quân Tống rút chạy, nền độc lập của Đại Cồ Việt được giữ vững.

3	Kháng chiến chống Tống	1075- 1077	Lý Thường Kiệt	Quách Quỳ và Triệu Tiết	sông Như Nguyệt	Quân Tống thất bại, nhà Tống đã phải trả lại đất Quảng Nguyên (Cao Bằng), nổi lại bang giao hai nước.
4	Kháng chiến chống Mông Cổ	1258	Trần Thái Tông Trần Thủ Độ	Ngột Lương Hợp Thai	Bình Lệ Nguyên (Vĩnh Phúc) Đông Bộ Đầu (Hà nội)	Thắng lợi
5	Kháng chiến chống Nguyên	1285	Trần Thánh Tông Trần Quốc Tuần	Thoát Hoan và Toa Đô	Tây Kết, Hàm Tử (Hưng Yên), Chương Dương. Thăng Long (Hà nội)	Thắng lợi
6	Kháng chiến chống Nguyên	1287- 1288	Trần Thánh Tông Trần Quốc Tuần	Thoát Hoan và Ô Mã	Sông Bạch Đằng (Hải Phòng – Quảng Ninh)	Thắng lợi
7	Kháng chiến chống Xiêm	1785	Nguyễn Huệ	Chiêu Tăng Chiêu Sương, Lục Côn, Sa Uyên	Rạch Gầm - Xoài Mút (Tiền Giang)	Thắng lợi
8	Kháng chiến chống Thanh	1789	Quang Trung (Nguyễn Huệ)	Tôn Sĩ Nghị	Ngọc Hồi – Đống Đa	Thắng lợi

Nguyên nhân thắng lợi

** Nguyên nhân chủ quan*

- Là cuộc đấu tranh bảo vệ dân tộc mang tính chính nghĩa.
- Có sức mạnh toàn dân “cả nước đánh giặc, toàn dân là lính”
- Truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường trong đấu tranh.
- Có sự lãnh đạo của các vua và tướng lĩnh tài giỏi.

** Nguyên nhân khách quan*

- Các đội quân xâm lược mang tính phi nghĩa, nên tất yếu sẽ thất bại.
- Các đội quân xâm lược thiếu sự chuẩn bị về hậu cần nên rơi vào thế bất lợi.

3. Một số cuộc kháng chiến không thành công.

a. Kháng chiến chống quân Triệu

- Năm 179 TCN, Triệu Đà bất ngờ đánh vào thành Cổ Loa, cuộc chiến đầu của An Dương Vương bị thất bại. Âu Lạc rơi vào ách thống trị của Nam Việt.

b. Kháng chiến chống quân Minh

- Cuối thế kỷ XIV, nhà Trần suy yếu, Hồ Quý Ly thu tóm quyền lực lập ra nhà Hồ tên nước là Đại Ngu (1400). Lấy cớ “phù Trần diệt Hồ” quân Minh xâm lược Đại Ngu.

- Tháng 11/1406: Nhà Hồ tổ chức chặn đánh quân Minh nhưng thất bại, phải rút về bờ nam sông Hồng, Đa Bang, Đông Đô để cố thủ.

- Tháng 1/1407: Quân Minh chiếm thành Đa Bang, rồi tràn xuống chiếm Đông Đô (Thăng Long), nhà Hồ lui về Tây Đô (Thanh Hóa).

- Tháng 3/1407: Quân Minh tấn công Tây Đô, quân nhà Hồ rút về Nghệ An.

- Tháng 6/1407: Hồ Quý Ly bị bắt, cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại.

c. Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nửa sau thế kỷ XIX

- Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, triều Nguyễn có tổ chức kháng chiến chống Pháp, nhưng do sai lầm về đường lối và không tập hợp được quần chúng nhân dân nên đã để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp.

- Với Hiệp ước Hác-măng (1883) và Hiệp ước Pa-tơ-nôt (1884), thực dân Pháp đã căn bản hoàn thành xong quá trình xâm lược Việt Nam.

d. Nguyên nhân không thành công

- Tương quan so sánh lực lượng chênh lệch, các thế lực ngoại xâm có thực lực mạnh về mọi mặt.

- Sai lầm trong đường lối kháng chiến của các triều đại phong kiến.

- Sự chủ quan, mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có vị trí địa chiến lược nào sau đây?

A. Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

B. Nằm trên trục đường giao thông kết nối châu Á và châu Phi.

C. Là quốc gia có diện tích và dân số lớn nhất Đông Nam Á.

D. Lãnh thổ gồm cả Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

Câu 2. Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc kháng chiến nào sau đây **không** giành được thắng lợi?

A. Kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngô Quyền.

B. Kháng chiến chống quân Thanh của Quang Trung.

C. Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên của nhà Trần.

D. Kháng chiến chống Pháp của triều đình nhà Nguyễn.

Câu 3. Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc kháng chiến nào sau đây **không** giành được thắng lợi?

- A. Kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngô Quyền.
- B. Kháng chiến chống quân Thanh của Quang Trung.
- C. Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên của nhà Trần.
- D. Kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ.

Câu 4 Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?

- A. Đánh nhanh, thắng nhanh.
- B. Tiên phát chế nhân.
- C. Vây thành, diệt viện.
- D. Vườn không nhà trống.

Câu 5. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?

- A. Đánh nhanh, thắng nhanh.
- B. Chủ động kết thúc chiến tranh.
- C. Vây thành, diệt viện.
- D. Vườn không nhà trống.

Câu 6. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?

- A. Đánh nhanh, thắng nhanh.
- B. Giảng hòa trên thế thắng.
- C. Vây thành, diệt viện.
- D. Vườn không nhà trống.

Câu 7. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút.
- B. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.
- C. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.
- D. Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử.

Câu 8. Trong cuộc kháng chiến chống quân Xiêm (1785), nghĩa quân Tây Sơn đã giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút.
- B. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.
- C. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.
- D. Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử.

Câu 9. Trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh (1789), nghĩa quân Tây Sơn đã giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút.
- B. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.
- C. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.
- D. Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử.

Câu 10. Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (1258-1288), quân và dân nhà Trần đã giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút.
- B. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.
- C. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.
- D. Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử.

Câu 11. Sau cuộc tập kích trên đất nhà Tống, Lý Thường Kiệt nhanh chóng rút quân về nước để

- A. chuẩn bị lực lượng tiến công tiếp.
- B. kêu gọi Chăm-pa cùng đánh Tống.
- C. chuẩn bị phòng tuyến chặn giặc.
- D. kêu gọi nhân dân rút lui, sơ tán.

Câu 12. Thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên ở thế kỉ XIII gắn liền với sự lãnh đạo của vương triều nào?

- A. Nhà Tiền Lê.
- B. Nhà Lý.
- C. Nhà Trần.
- D. Nhà Hồ.

Câu 13. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam?

- A. Là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á.
- B. Nằm trên các trục đường giao thông quốc tế huyết mạch.
- C. Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.
- D. Kiểm soát tuyến đường thương mại giữa Ấn Độ và Đông Nam Á.

Câu 14. Trong suốt quá trình lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vì một trong những lí do nào sau đây?

- A. Là quốc gia có vị trí địa chiến lược quan trọng.
- B. Được xem là cái nôi của văn minh nhân loại.
- C. Là trung tâm văn hóa bậc nhất phương Đông.
- D. Là một quốc gia chưa có độc lập, chủ quyền.

Câu 15. Trong suốt quá trình lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vì một trong những lí do nào sau đây?

- A. Có tài nguyên phong phú, dân cư đông đúc.
- B. Được xem là cái nôi của văn minh nhân loại.
- C. Là trung tâm văn hóa bậc nhất phương Đông.
- D. Là một quốc gia chưa có độc lập, chủ quyền.

Câu 16. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có vai trò nào sau đây?

- A. Góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt.
- B. củng cố vị thế cường quốc kinh tế của Việt Nam.
- C. Khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự.
- D. Góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Câu 17. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có vai trò nào sau đây?

- A. Góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.
- B. Tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng.
- C. Khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự, kinh tế.
- D. Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng đất nước.

Câu 18. Trong lịch sử Việt Nam, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quyết định đối với

- A. sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam.
- B. chính sách đối nội, đối ngoại của đất nước.
- C. chiều hướng phát triển kinh tế của đất nước.
- D. tình hình văn hóa - xã hội của quốc gia.

Câu 19. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa

- A. góp phần định hình bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.

- B. tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập với quốc tế sâu rộng.
- C. khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự, kinh tế.
- D. hình thành và nâng cao lòng tự hào, ý thức tự cường dân tộc.

Câu 20. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi của chiến thắng Bạch Đằng (năm 938)?

- A. Quân Nam Hán chủ quan, hiểu chiến, không thông thạo địa hình.
- B. Nhân dân Việt Nam có tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất.
- C. Quân Nam Hán lực lượng ít, khí thế chiến đấu kém cỏi, vũ khí thô sơ.
- D. Tài thao lược và vai trò chỉ huy của Ngô Quyền cùng các tướng lĩnh khác.

Câu 21. Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân dẫn đến thất bại của nhà Hồ trong cuộc kháng chiến chống quân Minh ở thế kỉ XV?

- A. Sử dụng thế đánh phòng ngự, xây thành cố thủ.
- B. Không nhận được sự ủng hộ to lớn của nhân dân.
- C. Triều đình chỉ chú trọng xây dựng quân chính quy.
- D. Nhà Hồ không có tướng tài giỏi chỉ huy quân đội.

Câu 22. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam (1858-1884) thất bại vì lí do chủ yếu nào sau đây?

- A. Nhân dân Việt Nam không có tinh thần yêu nước.
- B. Triều đình nhà Nguyễn không quyết tâm chống giặc.
- C. Quân Pháp luôn huy động lực lượng áp đảo, vũ khí mạnh.
- D. Phong trào đấu tranh của nhân dân diễn ra chưa sôi nổi.

Câu 23. Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trước năm 1945?

- A. Các cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đều diễn ra dưới tính chất chính nghĩa.
- B. Sự đoàn kết một lòng của toàn thể nhân dân Việt Nam qua các cuộc đấu tranh.
- C. Kế sách đúng đắn, nghệ thuật quân sự độc đáo, linh hoạt, sáng tạo trong kháng chiến.
- D. Tương quan lực lượng chênh lệch theo hướng có lợi cho nhân dân Việt Nam.

Câu 24. Nội dung nào sau đây **không** thể hiện đúng cách thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong cuộc kháng chiến chống quân Mông-Nguyên dưới triều Trần?

- A. Tổ chức các hội nghị để thăm dò ý kiến nhân dân.
- B. Bắt giam sứ giả, chủ động tấn công tiêu diệt địch.
- C. Khích lệ tinh thần đấu tranh của binh sĩ bằng thơ văn.
- D. Trọng dụng nhân tài góp sức chống giặc ngoại xâm.

Câu 25. Thực tiễn các chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam đã để lại bài học kinh nghiệm quý báu nào sau đây?

- A. Duy trì chính sách đối ngoại hòa bình, lắng giềng thân thiện.
- B. Chủ động hòa hiếu với các nước lớn để tránh nguy cơ chiến tranh.
- C. Lấy sức mạnh nội tại của quốc gia làm nền tảng duy trì hòa bình.
- D. Giữ gìn bản sắc văn hóa, không hòa nhập với văn hóa bên ngoài.

Câu 26. Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán (938) của Ngô Quyền có điểm khác biệt nào so với các cuộc đấu tranh khác của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc?

- A. Lần đầu tiên khôi phục được độc lập dân tộc.
- B. Lần đầu tiên thành lập chính quyền mới, tự trị.
- C. Buộc chính quyền phương Bắc công nhận độc lập.
- D. Mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc.

Câu 27. Từ sự thất bại của một số cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử dân tộc Việt Nam đã để lại bài học kinh nghiệm quý báu nào sau đây?

- A. Coi trọng việc xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân.
- B. Chính sách hòa hiếu với các nước lớn để tránh nguy cơ chiến tranh.
- C. Phát huy sức mạnh nội tại của quốc gia làm nền tảng duy trì hòa bình.
- D. Giữ gìn bản sắc văn hóa, không hòa nhập với văn hóa bên ngoài.

Câu 28. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** đặc điểm các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam?

- A. Các cuộc đấu tranh đều diễn ra dưới sự lãnh đạo của triều đình.
- B. Tất cả các cuộc đấu tranh diễn ra đều giành được thắng lợi vang dội.
- C. Các triều đại phong kiến đều phát huy được khối đại đoàn kết toàn dân.
- D. Dựng nước đi đôi với giữ nước, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa.

Câu 29. Điểm chung trong nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh dưới triều Hồ và kháng chiến chống Pháp dưới triều Nguyễn là

- A. triều đình không huy động được sức mạnh toàn dân.
- B. đều không có sự lãnh đạo tài tình của các tướng giỏi.
- C. không nhận được sự ủng hộ từ quần chúng nhân dân.
- D. dẫn đến mất độc lập, tự chủ của quốc gia, dân tộc.

Câu 30. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay, chúng ta có thể vận dụng bài học kinh nghiệm nào từ thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên dưới thời Trần?

- A. Tiến công giặc một cách thần tốc, bất ngờ.
- B. Tập trung vào việc xây dựng thành lũy kiên cố.
- C. Bồi dưỡng sức dân, củng cố khối đoàn kết dân tộc.
- D. Chủ động tấn công để chặn trước thế mạnh của giặc.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ Khi nước triều lên, Quyền sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả thua chạy để dụ địch đuổi theo. Hoàng Tháo quả nhiên tiến quân vào. Khi binh thuyền đã vào trong vùng đóng cọc, nước triều rút, cọc nhô lên Quyền bèn tiến quân ra đánh, ai nấy đều liều chết chiến đấu. Quân Hoàng Tháo không kịp sử dụng thuyền mà nước triều rút rất gấp, thuyền đều mắc vào cọc mà lật úp, rối loạn tan vỡ”.

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử kí toàn thư, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, 1998, trang 203)

- a. Kháng chiến chống quân Nam Hán nhanh chóng thắng lợi vì Ngô Quyền đã đề ra cách đánh giặc độc đáo.
- b. Chiến thắng của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng mở ra thời kì độc lập cho dân tộc.
- c. Ngô Quyền được đánh giá là “vị tổ trung hưng”, “vua của các vua”.
- d. Trận thắng lợi của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng (938) là cơ sở sau này cho việc phục lại quốc thống.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Lịch sử chống ngoại xâm vừa thử thách, vừa tôi luyện dân tộc ta. Những cuộc chiến tranh yêu nước đã tạo nên cho dân tộc ta một bản lĩnh kiên cường, một sức sống bền bỉ, mãnh liệt, đã hun đúc nên nhiều truyền thống tốt đẹp, tiêu biểu là: lòng yêu nước tha thiết, ý chí độc lập tự chủ mạnh mẽ, tinh thần đoàn kết keo sơn, chí quật cường bất khuất, trí thông minh sáng tạo...”
(Theo Phan Huy Lê,..., *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, NXB Hồng Đức, 2019, tr.15)

- a. Đoạn trích cho thấy vai trò quan trọng của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đối với sự sinh tồn của quốc gia, dân tộc
- b. Các truyền thống tốt đẹp, tiêu biểu của dân tộc Việt Nam chỉ có thể được hình thành qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm
- c. Tinh thần đoàn kết là truyền thống tiêu biểu của dân tộc Việt Nam được hun đúc nên từ lịch sử chống ngoại xâm
- d. Đoạn trích phản ánh các nội dung khác nhau của khái niệm “truyền thống dân tộc”



Bài 8. MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TCN - ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX)

A. LÝ THUYẾT

1. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời Bắc thuộc

a. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu

- *Khởi nghĩa Hai Bà Trưng* (40 - 43), chống quân xâm lược nhà Đông Hán giành quyền tự chủ, nhưng đến tháng 4/42 Mã Viện đưa quân sang xâm lược, cuộc kháng chiến thất bại.
- *Khởi nghĩa Bà Triệu* (248), chống quân xâm lược nhà Ngô nhưng bị đàn áp, Bà Triệu hi sinh.
- *Khởi nghĩa Lý Bí* (542 - 544), chống quân xâm lược nhà Lương, khôi phục nền độc lập, dựng nước Vạn Xuân.
- *Khởi nghĩa Phùng Hưng* (766 - 791), chống quân xâm lược nhà Đường, xây dựng, củng cố chính quyền tự chủ, nhưng đến năm 791 nhà Đường chiếm lại Tống Bình (Hà Nội).

b. Ý nghĩa

- Là minh chứng hào hùng cho tinh thần quật khởi, khẳng định sức sống mãnh liệt của ý thức dân tộc, tinh thần độc lập tự chủ của dân tộc Việt.

- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

2. Khởi nghĩa Lam Sơn

a. Bối cảnh lịch sử

- Năm 1407, nhà Hồ thất bại, nước ta rơi vào ách đô hộ của nhà Minh.
- Nhà Minh đã đàn áp, khủng bố tàn bạo và thiết lập bộ máy thống trị hà khắc, triệt để vơ vét của cải nhằm thủ tiêu nền văn hoá Đại Việt.

b. Diễn biến chính

*** Giai đoạn 1418 – 1423:**

- Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa, xây dựng căn cứ Lam Sơn (Thanh Hoá).
- Thực hiện kế sách tạm hoà hoãn với quân Minh.

*** Giai đoạn 1424 – 1425:**

- Nghĩa quân tiến quân vào Nghệ An, và giành một số thắng lợi.
- Mở rộng vùng giải phóng Tân Bình - Thuận Hoá.

*** Giai đoạn 1426 – 1427:**

- Tổng tiến công ra Bắc, giải phóng Thanh Hoá.
- Vây hãm thành Đông Quan, kết hợp ngoại giao “tâm công”, buộc giặc phải cớ thủ chờ viện binh.
- Cuối năm 1427, giành thắng lợi ở Chi Lăng - Xương Giang, kết thúc thắng lợi.

c. Ý nghĩa lịch sử

- Chấm dứt 20 năm thống trị của nhà Minh, giành lại nền độc lập dân tộc.
- Tiêu biểu cho ý chí và tinh thần độc lập của nhân dân Đại Việt đầu thế kỉ XV. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đưa đến sự thành lập nhà Lê sơ - Một triều đại phong kiến phát triển hùng mạnh trong lịch sử dân tộc.

3. Phong trào Tây Sơn

a. Bối cảnh lịch sử

- Giữa thế kỉ XVIII, ở Đàng Trong tình trạng kinh tế suy thoái, thuế khoá nặng nề, quan lại nhũng loạn.
- Bất bình trước sự thối nát của triều đình và thấu hiểu nỗi thống khổ của nhân dân, ba anh em Tây Sơn (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ) đã liên kết với các hào kiệt cùng chí hướng phát động cuộc khởi nghĩa.

b. Diễn biến chính

*** Giai đoạn 1771 – 1773:**

- Khởi nghĩa bùng nổ ở Tây Sơn và nhanh chóng làm chủ Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Quảng Nam, chia cắt thành Phú Xuân với Gia Định.

*** Giai đoạn 1774 – 1786: tiêu diệt các tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn.**

- Năm 1785, đánh bại quân Xiêm ở Rạch Gầm - Xoài Mút và tiêu diệt phong kiến nhà Nguyễn ở Đàng Trong.

- Năm 1789, dưới sự lãnh đạo của vua Quang Trung đã đánh bại 29 vạn quân Thanh, giải phóng Thăng Long, khôi phục nền độc lập cho đất nước.

c. Ý nghĩa lịch sử

- Là phong trào nông dân khởi nghĩa chống áp bức phong kiến cuối thế kỉ XVIII.
- Đã lật đổ chính quyền chúa Nguyễn - Trịnh, xoá bỏ ranh giới Đàng Trong và Đàng Ngoài, thống nhất đất nước.
- Phong trào Tây Sơn đã giải quyết hai nhiệm vụ đấu tranh giai cấp và đấu tranh giải phóng dân tộc. Để lại nhiều bài học về tư tưởng và nghệ thuật quân sự chống ngoại xâm.

4. Một số bài học lịch sử

a. Bài học quá trình tập hợp lực lượng quần chúng nhân dân

- Nêu cao tinh thần dân tộc và tính chính nghĩa nên được đông đảo tầng lớp nhân dân tin tưởng, ủng hộ và đi theo.
- Đề ra khẩu hiệu phù hợp để phân hoá kẻ thù và tập hợp sức mạnh quần chúng.

b. Bài học về vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc

- Đoàn kết là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc.
- Khối đại đoàn kết phải được xây dựng từ chỉ huy, mở rộng ra quân đội và quần chúng nhân dân; từ miền xuôi đến miền ngược.

c. Bài học về nghệ thuật quân sự

- Tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện “toàn dân đánh giặc”.
- Nghệ thuật: “Tiên phát chế nhân”, “Lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh”, “Tâm công”, ... đóng góp vào kho tàng nghệ thuật quân sự Việt Nam.

d. Bài học đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

- Những bài học lịch sử về tập hợp lực lượng quần chúng nhân dân, về vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, về nghệ thuật quân sự của cha ông vẫn còn nguyên giá trị đến nay.
- Điều kiện và hoàn cảnh lịch sử hiện nay còn cho phép Việt Nam kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại khi vận dụng những bài học lịch sử vào xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1. Các cuộc khởi nghĩa trong thời Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- | | |
|---|---|
| A. Đất nước có độc lập, chủ quyền. | B. Đất nước mất độc lập, tự chủ. |
| B. Trung Quốc bị Mông Cổ đô hộ. | D. Nhân dân Việt Nam đã bị đồng hóa. |

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây mở đầu thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam?

- | | | | |
|-------------------------|---------------------|------------------|-----------------------|
| A. Hai Bà Trưng. | B. Bà Triệu. | C. Lý Bí. | D. Phùng Hưng. |
|-------------------------|---------------------|------------------|-----------------------|

Câu 3. Trong thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc, cuộc khởi nghĩa nào sau đây của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi và lập ra nhà nước Vạn Xuân?

- | | | | |
|-------------------------|---------------------|------------------|-----------------------|
| A. Hai Bà Trưng. | B. Bà Triệu. | C. Lý Bí. | D. Phùng Hưng. |
|-------------------------|---------------------|------------------|-----------------------|

Câu 4. Cuộc đấu tranh chống ngoại xâm nào sau đây của nhân dân Việt Nam diễn ra trong thời kỳ Bắc thuộc?

A. Khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực.

B. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

C. Phong trào Tây Sơn.

D. Khởi nghĩa Trương Định.

Câu 5. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây của nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ lật đổ ách thống trị của nhà Minh?

A. Khởi nghĩa Lam Sơn.

B. Khởi nghĩa Tây Sơn.

C. Khởi nghĩa Lý Bí.

D. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 6. Nội dung nào sau đây **không** phải là bối cảnh dẫn đến bùng nổ phong trào Tây Sơn?

A. Đại Việt mất đi độc lập, tự chủ.

B. Đất nước đang bị chia cắt kéo dài.

C. Nguy cơ bị các thế lực ngoại xâm dòm ngó.

D. Đất nước bị khủng hoảng về kinh tế, chính trị.

Câu 7. Phong trào Tây Sơn (1771-1802) bùng nổ nhằm thực hiện một trong những nhiệm vụ nào sau đây?

A. Giải quyết mâu thuẫn giai cấp.

B. Giải phóng dân tộc thoát khỏi ách đô hộ.

C. Hoàn thành thống nhất đất nước.

D. Bảo vệ quyền lợi dân chủ của nhân dân.

Câu 8. Năm 1786, nghĩa quân Tây Sơn giành được thắng lợi nào sau đây?

A. Lật đổ chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

B. Đánh tan hơn 5 vạn quân Xiêm xâm lược.

C. Lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

D. Đánh tan hơn 29 vạn quân Mãn Thanh xâm lược.

Câu 9. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc có một trong những đặc điểm nào sau đây?

A. Diễn ra sôi nổi, liên tục và mạnh mẽ.

B. Diễn ra trên phạm vi cả nước.

C. Diễn ra khi đất nước có độc lập.

D. Các cuộc khởi nghĩa đều thắng lợi.

Câu 10. Khác với các cuộc kháng chiến chống xâm lược thời Lý - Trần, khởi nghĩa Lam Sơn diễn ra trong bối cảnh

A. nước Đại Ngu đã bị nhà Minh đô hộ.

B. Đại Việt là quốc gia độc lập, có chủ quyền.

C. nhà Minh lâm vào khủng hoảng, suy yếu.

D. nhà Nguyên lâm vào khủng hoảng, suy yếu.

Câu 11. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã

A. buộc nhà Minh phải thần phục, cống nạp sản vật cho Đại Việt.

B. kết thúc 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục độc lập dân tộc.

C. đưa nước Đại Việt trở thành cường quốc hùng mạnh nhất châu Á.

D. Mở ra thời kì đấu tranh giành độc lập, tự chủ cho dân tộc Việt Nam.

Câu 12. Tư tưởng được vận dụng xuyên suốt trong khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) nhằm giành độc lập dân tộc là

- A. trung quân ái quốc. B. tự do, dân chủ.
C. bình đẳng, tự quyết. D. nhân nghĩa.

Câu 13. Năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ dựng cờ khởi nghĩa nhằm

- A. lật đổ ách cai trị của quân Thanh. B. chống lại chính quyền chúa Nguyễn.
C. lật đổ ách cai trị của quân Minh. D. chống lại chính quyền Lê - Trịnh.

Câu 14. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến bùng nổ các cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc là

- A. nhân dân Việt Nam đã thiết lập được chính quyền vững mạnh.
B. chính quyền đô hộ của phương Bắc khủng hoảng, tổ chức lỏng lẻo.
C. do ách cai trị, bóc lột nặng nề của chính quyền đô hộ phương Bắc.
D. do mâu thuẫn của các thủ lĩnh người Việt với chính quyền đô hộ.

Câu 15. Phong trào Tây Sơn (1771-1802) đã

- A. lật đổ ách đô hộ của nhà Thanh ở Việt Nam.
B. hoàn thành thống nhất đất nước về mọi mặt.
C. đánh tan các thế lực ngoại xâm hùng mạnh.
D. ngăn chặn được nguy cơ Pháp xâm lược.

Câu 16. Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, cuộc khởi nghĩa nào sau đây vừa thực hiện nhiệm vụ đấu tranh giai cấp, vừa thực hiện nhiệm vụ dân tộc?

- A. Khởi nghĩa Lam Sơn. B. Khởi nghĩa Tây Sơn.
C. Khởi nghĩa Lý Bí. D. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 17. Một trong những đóng góp to lớn của phong trào Tây Sơn (1771-1802) đối với lịch sử dân tộc Việt Nam là

- A. lật đổ ách đô hộ tàn bạo của nhà Minh ở Việt Nam.
B. thống nhất đất nước hoàn toàn về mặt nhà nước.
C. bước đầu hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.
D. ngăn chặn được nguy cơ Pháp xâm lược Việt Nam.

Câu 18. Một trong những đóng góp to lớn của phong trào Tây Sơn (1771-1802) đối với lịch sử dân tộc Việt Nam là

- A. lật đổ ách đô hộ tàn bạo của nhà Minh ở Việt Nam.
B. thống nhất đất nước hoàn toàn về mặt nhà nước.
C. đánh tan quân xâm lược, bảo vệ nền độc lập dân tộc.
D. ngăn chặn được nguy cơ Pháp xâm lược Việt Nam.

Câu 19. Nội dung nào sau đây **không** phải là bài học lịch sử được rút ra từ các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam?

- A. Bài học về xây dựng và tập hợp lực lượng. B. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.
C. Nghệ thuật quân sự sáng tạo, phong phú. D. Chủ động khơi mào đấu tranh quân sự.

Câu 20. Một trong những đóng góp to lớn của Hai Bà Trưng trong cuộc đấu tranh giành độc lập thời Bắc thuộc là

A. mở đầu thời kì đấu tranh chống đô hộ.

B. mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài.

C. đập tan âm mưu xâm của nhà Đường.

D. xây dựng nhà nước Vạn Xuân lớn mạnh.

Câu 21. Một trong những đóng góp to lớn của Hai Bà Trưng trong cuộc đấu tranh giành độc lập thời Bắc thuộc là

A. góp phần hình thành nên những truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam.

B. mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ kéo dài trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

C. đập tan hoàn toàn âm mưu xâm lược Đại Việt của chính quyền phương Bắc.

D. giành lại độc lập dân tộc, giữ gìn văn hóa, xây dựng nhà nước Vạn Xuân.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn trích sau đây trong bài thơ “Bình Ngô đại cáo” (Nguyễn Trãi):

“Ninh Kiều máu chảy thành sông, hôi tanh muôn dặm

Tốt Động thây phơi đầy nội, thối để nghìn thu

Tâm phúc giặc, Trần Hiệp phải bêu đầu

Sâu mọt dân, Lý Lượng cũng bỏ mạng

Vương Thông gỡ rối mà lửa lại càng bùng

Mã Anh cứu nguy mà giận càng thêm dữ”

a. Đoạn thơ trên phản ánh về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống của vương triều Lý

b. Chiến thắng quân sự nổi bật được nhắc đến trong đoạn thơ trên là chiến thắng Tốt Động – Chúc Động

c. Vương Thông, Mã Anh là những vị tướng chỉ huy tài giỏi của quân ta trong khởi nghĩa Lam Sơn

d. Bình Ngô đại cáo được coi là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước ta sau “Nam quốc sơn hà”

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau:

“ Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc nông dân khởi nghĩa duy nhất trong thời phong kiến Việt Nam đã đánh bại kẻ thù trong và ngoài nước (...). Phong trào đã lật đổ nền thống trị của các tập đoàn phong kiến phản động, kết thúc tình trạng phân chia đất nước kéo dài trên hai thế kỉ, đánh tan quân xâm lược Xiêm và Thanh, đặt cơ sở cho công cuộc khôi phục quốc gia thống nhất sau này”.

(Phan Huy Lê, *Tìm hiểu thêm về phong trào nông dân Tây Sơn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 961, tr.37)

a. Đoạn trích phản ánh đóng góp của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc thế kỉ XVIII

b. Khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc khởi nghĩa nông dân duy nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam

c. Một trong những công lao to lớn của phong trào Tây Sơn là lật đổ các tập đoàn phong kiến phản động, thống nhất hoàn toàn quốc gia

d. Khởi nghĩa Tây Sơn đã đánh tan quân xâm lược đến từ phương Tây, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc

Câu 3: Đọc các đoạn tư liệu sau:

Tư liệu 1: Sử gia Lê Văn Hưu nói: “Trung Trắc, Trung Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương”

(Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 156, 157)

Tư liệu 2: Bà quê ở huyện Quân An, quận Cửu Chân (Thanh Hoá ngày nay). Cầm thù chính sách đồng hoá, áp bức và bóc lột tàn bạo của nhà Ngô, Bà đã nêu ý chí: “Tôi muốn cưới con gió mạnh, đạp đường sóng giữ, chém cá tròng kình ở bể đông, quét sạch bờ cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối, chứ không thềm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng để làm tì thiếp người ta”.

(Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010, tr. 51)

- a. Đoạn tư liệu 2 nhắc đến nhân vật Trung Trắc
- b. Triệu Thị Trinh lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống triều đại nhà Ngô (Trung Quốc)
- c. Các cuộc khởi nghĩa được nhắc đến trong 2 đoạn tư liệu trên đều chống lại ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, trong thời kì nghìn năm Bắc thuộc
- d. Quy mô cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng rất rộng lớn, gồm các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Vào sáng ngày mùng 5 Tết, tiếng súng nổ liên hồi ở mạn tây nam làm Tôn Sĩ Nghị tỉnh giấc. Đồn Ngọc Hồi đã bị tấn công. Đang lo lắng hướng về phía đó đợi tin, Tôn Sĩ Nghị bỗng thấy lửa rực cháy ở phía Đống Đa và tiếng quân ta hò reo ngày càng gần. Y hốt hoảng, không còn biết xử trí sao nữa, đành nhảy lên “ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp” cùng một số tùy tùng chạy qua cầu phao, vượt sông Hồng lên mạn bắc. Quân sĩ thấy tướng đã chạy, bèn hòa nhau chạy theo chen chúc vượt qua cầu”

(Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn, *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr. 42 – 423)

- a. Đoạn trích phản ánh thắng lợi của nghĩa quân Lam Sơn trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh
- b. Thắng lợi quân sự được nhắc đến trong đoạn trích diễn ra ở Ngọc Hồi, Đống Đa
- c. Tôn Sĩ Nghị là vị tướng chỉ huy của quân ta trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh
- d. Đoạn trích chủ yếu nhằm phản ánh tinh thần đoàn kết của quân ta trong các trận quấy chiến chiến lược với kẻ thù.

HẾT